



## ETS 1000\_RC

### TEST 7

#### PART 5

101. If ----- are not satisfied with an item, return it for a full refund within 30 days of purchase.

- (A) **you**
- (B) your
- (C) yours
- (D) yourself

**Tạm dịch:**

Nếu **bạn** không hài lòng về một mặt hàng, hãy hoàn trả lại đầy đủ trong vòng 30 ngày kể từ ngày mua.

**Phân tích:** Đáp án đúng là câu A do câu đã có động từ “are not satisfied” và vị trí còn thiếu sau mệnh đề if là chủ ngữ “you”. Câu B-“your” đi theo sau là danh từ, câu C-“yours” (của bạn) và câu D – yourself (bản thân bạn) không phù hợp.

102. The location of next month's online gaming forum is yet to be -----.

- (A) concluded
- (B) prevented
- (C) invited
- (D) **decided**

**Tạm dịch:**

Địa điểm của diễn đàn chơi game trực tuyến vào tháng tới vẫn chưa **được quyết định**.

**Phân tích:** Theo nghĩa, ta có câu A-concluded (được kết luận), câu B-prevented (ngăn chặn), câu C-invited (được mời) đều không hợp nghĩa, đáp án đúng nhất là câu D-decided (được quyết định).

103. Guests were ----- with the table decorations for the company banquet.

- (A) impressive
- (B) **impressed**
- (C) impressing
- (D) impressively

**Tạm dịch:**

Khách mời đã **bị ấn tượng** bởi bàn trang trí cho bữa tiệc lớn của công ty.

**Phân tích:** Để chia bị động, công thức là **to be+ V-ed**, do đó, đáp án đúng là câu B-impressed (ấn tượng).

104. The Shubert Company is ----- effective at helping power plants reduce their carbon dioxide emissions.

- (A) once
- (B) far
- (C) early

**Phân tích:** Xét về nghĩa, câu A-once (một khi), câu B-far (xa), câu C-early (sớm) đều không phù hợp, do đó đáp án đúng là câu D-very (rất).



**(D) very**

**Tạm dịch:**

Công ty Shubert **rất** hiệu quả trong việc giúp các nhà máy điện giảm lượng khí thải carbon dioxide.

105. Mr. Hodges -----that volunteers sign up to assist with the Hannock River cleanup by Friday.

(A) requesting

(B) to be requested

**(C) requests**

(D) to request

**Tạm dịch:**

Ông Hodges **yêu cầu** các tình nguyện viên đăng ký để hỗ trợ dọn dẹp dòng sông Hannock vào thứ Sáu.

**Phân tích:** Sau chủ ngữ “Mr. Hodges” ta cần một động từ, do động từ ở mệnh đề sau “sign up” đang ở thì hiện tại, do đó đáp án C-requests (yêu cầu) là chính xác.

106. Last year, the *Daejeon English News* ----- the number of readers by adding a digital subscription option.

(A) needed

**(B) increased**

(C) joined

(D) asked

**Tạm dịch:**

Năm ngoái, Tin tức tiếng Anh Daejeon **tăng** số lượng độc giả bằng cách thêm tùy chọn đăng ký kỹ thuật số.

**Phân tích:** Xét về nghĩa, ta có đáp án đúng là B-increased (tăng lên), câu A-needed (cần), câu C-joined (tham gia), câu D-asked (yêu cầu) là không phù hợp nghĩa.

107. Before the updated design can go into -----, it must be approved by management.

(A) product

(B) producer

(C) productive

**(D) production**

**Tạm dịch:**

Trước khi thiết kế đã được cập nhật có thể đi vào **sản xuất**, nó phải được sự chấp thuận của ban quản lý.

**Phân tích:** Vị trí cần điền là một danh từ, câu C-productive (có hiệu suất) loại, câu A-product (sản phẩm), câu B-producer (nhà sản xuất) và câu D-production (sự sản xuất). Nghĩa hợp lý nhất nằm ở đáp án D.

108. The economic development summit will be held ----- the Xi'an Trade Tower on September 22.

**Phân tích:** Để chỉ một địa điểm, vị trí nào đó, ta dùng giới từ “at” (tại). Do đó, đáp án đúng là câu B.



- (A) to
- (B) at**
- (C) down
- (D) of

**Tạm dịch:**

Hội nghị thượng đỉnh phát triển kinh tế sẽ được tổ chức **tại** Tòa tháp thương mại Xi'an vào ngày 22 tháng 9.

109. Inclement weather was ----- responsible for the low turnout at Saturday's Exton Music Festival.

- (A) largely**
- (B) large
- (C) largest
- (D) larger

**Tạm dịch:**

Thời tiết khắc nghiệt thì **phần lớn** chịu trách nhiệm cho số người có mặt ít trong lễ hội âm nhạc Exton vào thứ bảy.

**Phân tích:** Đứng giữa động từ “to be” và “tính từ” sẽ cần một phó từ, do đó đáp án A-largely (phần lớn) là đáp án đúng.

110. Our most recent survey was sent to clients just last week, ----- it is too soon to send another one.

- (A) when
- (B) since
- (C) so**
- (D) finally

**Tạm dịch:**

Cuộc khảo sát gần đây nhất của chúng tôi vừa được gửi cho khách hàng vào tuần trước, **do đó** nó thì quá sớm để không thể gửi một cuộc khảo sát khác.

**Phân tích:** Câu A-when (khi nào) và câu B-since (từ khi, khi) không đứng sau dấu phẩy nên loại, câu C-so (vì thế) là đáp án đúng do hợp nghĩa hơn so với câu D-finally (cuối cùng).

111. ----- necklace that is shipped from Gillis Designers is given a thorough quality check.

- (A) Whenever
- (B) Also
- (C) All
- (D) Each**

**Tạm dịch:**

**Từng** vòng cổ được vận chuyển từ Nhà thiết kế Gillis đã được kiểm tra chất lượng kỹ lưỡng.

**Phân tích:** câu A-whenever (bất kể khi nào), câu B-also (cũng), câu C-all (tất cả) và câu D-each (mỗi). Do “necklace” là danh từ số ít nên phải đi cùng với “each”, câu D là đáp án đúng.



112. Ms. Valdez' sales numbers are good -----  
- for her to be considered for the employee-of-the-month award.

- (A) forward
- (B) even
- (C) ahead
- (D) enough**

**Tạm dịch:**

Số lượng bán hàng của cô Valdez thì đủ tốt để cô ấy được xem xét cho giải thưởng nhân viên của tháng.

**Phân tích:** Ta có cấu trúc “ **be + adj + enough for + O + to V**” (đủ ... cho ai ....để làm gì). Như vậy, câu D là đáp án đúng. Câu A-forward (trước), câu B-even (thậm chí), câu C (thẳng, phía trước)

113. Aaron Park's new book features photographs of homes designed and built by the homeowners -----.

- (A) itself
- (B) himself
- (C) themselves**
- (D) ourselves

**Tạm dịch:**

Cuốn sách mới của Aaron Park mang đặc điểm những ngôi nhà đã được thiết kế và xây dựng bởi **chính những chủ nhà**.

**Phân tích:** Xét về nghĩa, câu A-ifself (chính nó), câu B-himself (chính anh ấy), câu D-ourselves (chính chúng ta), câu C-themselves (chính họ) là đáp án đúng vì nó nhấn mạnh cho danh từ “homeowners” (những chủ nhà).

114. It is ----- for the audience to hold its applause until the speaker has finished.

- (A) enthusiastic
- (B) casual
- (C) exclusive
- (D) customary**

**Tạm dịch:**

Đó là **mang tính phong tục** lúc khán giả vỗ tay cho đến khi người nói vừa kết thúc.

**Phân tích:** Xét về nghĩa thì đáp án đúng là câu D-customary (có tính phong tục) là đáp án phù hợp với ngữ cảnh nhất, câu A-enthusiastic (nhiệt tình), câu D-casual (thông thường), câu C-exclusive (độc nhất)

115. Despite ----- that Legend Air would perform poorly with the entry of cheaper competition, it posted strong second-quarter earnings.

- (A) predicted
- (B) predictable
- (C) predicts
- (D) predictions**

**Tạm dịch:**

Mặc dù có **những dự đoán rằng** Legend Air sẽ thể hiện

**Phân tích:** Sau “despite”, ta dùng với danh từ hoặc V-ing, vì vậy câu D-predictions (danh từ) là đáp án đúng.



kém của việc cạnh tranh rẻ hơn, nhưng nó đã công bố thu nhập quý hai tăng.

116. Mr. Nigam was ----- retirement when his boss asked him to be the head of security at the new facility.

- (A) under
- (B) ahead of
- (C) nearby
- (D) close to**

**Tạm dịch:**

Ông Nigam đã **gần nghỉ hưu** khi ông chủ yêu cầu ông ấy làm giám đốc an ninh tại cơ sở mới.

**Phân tích:** Xét về nghĩa, ta thấy câu A-under (dưới), câu B-ahead of (phía trước), câu C-nearby (bên cạnh), như vậy đáp án đúng nhất là câu D-close to (gần)

117. Main Street Restaurant offers a menu of --- prepared lunch and dinner meals.

- (A) thought
- (B) thoughtfulness
- (C) thoughts
- (D) thoughtfully**

**Tạm dịch:**

Nhà hàng Main Street cung cấp một thực đơn gồm những bữa ăn trưa và bữa tối được chuẩn bị **rất chu đáo**.

**Phân tích:** Theo cấu trúc, ta có **adv (thoughtfully) + adj (prepared) + nouns (lunch and dinner meals)**, do đó đứng trước tính từ prepared sẽ là trạng từ. Đáp án đúng là câu D-thoughtfully.

118. ----- our public relations manager, Ms. Ghazarian has just been appointed vice president of media relations.

- (A) Sincerely
- (B) Immediately
- (C) Solely
- (D) Formerly**

**Tạm dịch:**

**Trước đây**, giám đốc quan hệ công chúng của chúng tôi, bà Ghazarian vừa được bổ nhiệm làm phó chủ tịch quan hệ truyền thông.

**Phân tích:** Xét theo nghĩa, câu A-sincerely (trân trọng), câu B-immediately (ngay lập tức), câu C-solely (hoàn toàn). Như vậy, đáp án phù hợp với nghĩa nhất là câu D-formerly (trước đây).

119. Videos of Korean pop music have become very popular ----- adolescents worldwide.

- (A) including
- (B) whereas
- (C) among**
- (D) within

**Phân tích:** Theo nghĩa, câu A-including (bao gồm), câu B-whereas (trong khi), câu D-within (trong vòng), câu C-among (ở trong số, giữa) là đáp án đúng.



**Tạm dịch:**

Video nhạc pop Hàn Quốc đã trở nên rất phổ biến **trong số** thanh thiếu niên trên toàn thế giới.

120. Milante Shoes ----- altered the firm's marketing strategy after a recent economic shift.

- (A) quick
- (B) quickest
- (C) **quickly**
- (D) quicken

**Tạm dịch:**

Giày Milante đã **nhANH chóng** thay thế chiến lược tiếp thị của công ty sau một sự thay đổi kinh tế gần đây.

**Phân tích:** Trong câu, đã có danh từ “Milante Shoes” và động từ “alterd”, vị trí còn thiếu là trạng từ, nên đáp án đúng là câu C-quickly.

121. The annual report has been posted online, ----- the director's office has not yet received a printed copy.

- (A) **but**
- (B) why
- (C) with
- (D) once

**Tạm dịch:**

Báo cáo hàng năm đã được đăng trực tuyến, nhưng văn phòng giám đốc chưa nhận được một bản in.

**Phân tích:** Câu B-why (tại sao) và câu D-once (một khi) không đứng sau dấu phẩy, câu C-“with” không đứng trước một mệnh đề, do đó đáp án đúng là câu A-but (nhưng).

122. Hasin Fariz turned a study on the ----- - effects of sleep into a best-selling book.

- (A) **favorable**
- (B) favor
- (C) favors
- (D) favorably

**Tạm dịch:**

122. Hasin Fariz đã biến một nghiên cứu về ảnh hưởng **có lợi** của giấc ngủ thành một cuốn sách bán chạy nhất.

**Phân tích:** Để bổ nghĩa cho danh từ effects, ta có tính từ “favorable” (có lợi)

123. Wynston Containers is ----- a yearly shutdown of its factory so that it can be evaluated for safety and efficiency.

- (A) involving
- (B) participating

**Phân tích:** Xét về nghĩa, câu A-involving (liên quan), câu B-participating (tham gia), câu D-producing (sản xuất) không phù hợp. Vậy đáp án cuối cùng đúng nhất là đáp án C-implementing (thực hiện, tiến hành).





**(C) implementing**

(D) producing

**Tạm dịch:**

Nhà máy Wynston Container đang tiến hành việc đóng cửa hàng năm để có thể đánh giá sự an toàn và hiệu quả.

124. The Girard Botanical Archive has almost 300,000 plant -----, all neatly pressed onto archival paper.

(A) authorities

**(B) specimens**

(C) founders

(D) specifics

**Tạm dịch:**

Viện lưu trữ thực vật Girard có gần 300.000 mẫu cây, tất cả được ép gọn gàng trên giấy lưu trữ.

**Phân tích:** Xét về nghĩa, ta có câu A-authorities (chính quyền), câu C-founders (người sáng lập), câu D-specifics (chi tiết cụ thể), như vậy câu B-specimens (mẫu vật, mẫu cây) là đáp án đúng nhất.

125. Hotels and universities are ----- to recycle their used mattresses through the city's recycling program.

(A) systematic

**(B) eligible**

(C) familiar

(D) successful

**Tạm dịch:**

Khách sạn và trường đại học **có thể chọn** để tái chế nệm đã sử dụng qua chương trình tái chế của thành phố.

**Phân tích:** Xét về nghĩa, câu A-systematic (có hệ thống), câu C-familiar (giống), câu D-successful (thành công) đều không phù hợp, như vậy đáp án đúng là câu B-eligible (có thể chọn, phù hợp).

126. The ----- to review plans to replace the Tronton Bridge will be scheduled soon.

(A) heard

(B) hears

**(C) hearing**

(D) hear

**Tạm dịch:**

**Phiên tòa** để xem lại kế hoạch thay thế cây cầu Tronton sẽ được lên kế hoạch sớm.

**Phân tích:** Sau “the” và trước “to V” ta cần một danh từ, câu C-“hearing” là đáp án đúng.

127. Kovox Ltd. aims to optimize quality -----  
- reducing the impact on the environment.

(A) which

**Phân tích:** Câu A-which (cái nào), câu C-because (bởi vì) và câu D-unless (nếu không)



- (B) while  
(C) because  
(D) unless

**Tạm dịch:**

Công ty Kovox có mục tiêu tối ưu hóa chất lượng **trong khi** giảm tác động đến môi trường.

phải đi cùng một mệnh đề, chỉ còn câu B-while (trong khi, khi đang) là đáp án phù hợp.

128. The grocery store ----- vegetables from out of town until local prices went down last month.

- (A) is buying  
(B) will be buying  
(C) has been buying  
(D) **had been buying**

**Tạm dịch:**

Cửa hàng tạp hóa **đã mua rau** ngoài của thị trấn cho đến khi giá địa phương đi xuống vào tháng trước.

**Phân tích:** Câu D-had been buying là đáp án đúng bởi vì cả 2 mệnh đề đều bàn về sự việc đã xảy ra trong quá khứ, ví dụ như “went down”, “last month”.

129. All Hershel Industries employees must have a valid ID card ----- enter the building.

- (A) **in order to**  
(B) as long as  
(C) regarding  
(D) always

**Tạm dịch:**

Tất cả nhân viên của Hershel Industries phải có chứng minh thư hợp lệ **để** vào tòa nhà.

**Phân tích:** Ta có “in order to + V” (để làm gì đó) là đáp án đúng, câu B-as long as (miễn là), câu C-regarding (liên quan), câu D-always (luôn luôn).

130. ----- and cost factored equally in choosing Cantavox as our main supplier.

- (A) **Reliability**  
(B) Allowance  
(C) Dependence  
(D) Estimation

**Tạm dịch:**

**Độ tin cậy** và chi phí bao gồm như nhau trong việc lựa chọn Cantavox là nhà cung cấp chính của chúng ta.

**Phân tích:** Xét về nghĩa, câu A-reliability (độ tin cậy) là đáp án đúng nhất, câu B-allowance (phụ cấp), câu C-dependence (sự phụ thuộc) và câu D-estimation (sự dự đoán)





**PART 6**

Dear PGD Account Holder,  
PGD Bank strives 131\_\_\_\_\_ the highest levels of client security and service. This applies not only to online- and telephone-based services, but also to our brick-and-mortar locations. Our three branch offices have proudly been a part of the community 132\_\_\_\_\_ a combined total of 40 years.

To assist you even better in the future, our Smithville branch will be temporarily closed for renovations July 8-22. 133\_\_\_\_\_. In the meantime, our other two regional branches in Pine Grove and Bradford will maintain normal business 134\_\_\_\_\_. We value your feedback and will respond to any concerns that you may have as soon as possible.

Sincerely,  
Edwin Chen, Operations Manager  
PGD Bank

**Tạm dịch:** Kính gửi chủ tài khoản PGD, PGD Bank cố gắng **để cung cấp** dịch vụ và bảo mật khách hàng ở mức cao nhất. Điều này không chỉ áp dụng cho các dịch vụ trực tuyến và điện thoại mà còn áp dụng cho các địa điểm trực tiếp của chúng tôi. Ba văn phòng chi nhánh của chúng tôi tự hào là một phần của cộng đồng **trong** tổng cộng 40 năm.

Để hỗ trợ bạn tốt hơn nữa trong tương lai, chi nhánh Smithville của chúng tôi sẽ tạm thời đóng cửa để cải tạo vào ngày 8-22 tháng 7. **Chúng tôi xin lỗi vì những bất tiện có thể gây ra.** Trong khi đó, hai chi nhánh khu vực khác của chúng tôi ở Pine Grove và Bradford sẽ duy trì **giờ** làm việc bình thường. Chúng tôi đánh giá phản hồi của bạn và sẽ trả lời bất kỳ mối quan tâm nào mà bạn có thể có càng sớm càng tốt.

Trân trọng,  
Edwin Chen, Giám đốc điều hành  
Ngân hàng PGD

131.

- (A) to provide
- (B) provided
- (C) providing
- (D) to be provided

**Phân tích:** Trước chỗ trống chúng ta có từ “strives” = “tries”, như vậy có cấu trúc “try + to V”, vậy nên loại câu B và C. Không thể chọn câu D, vì sau thể bị động phải có một giới từ liên kết với danh từ phía sau. Vậy nên câu A đúng.

132.

- (A) except
- (B) amid
- (C) near
- (D) for

**Phân tích:** Sau chỗ trống là một cụm danh từ chỉ thời gian, nên ta cần một giới từ chỉ thời gian, vì vậy loại câu A – “ngoại trừ” và B – “ở giữa” (chỉ không gian). Trước chỗ trống là một cụm danh từ KHÔNG chỉ không gian, vậy nên không thể chọn C – “gần” vì nó dùng để so sánh 2 thứ cùng loại. Vậy nên câu D đúng.

133.

- (A) Unfortunately, services will be limited.
- (B) We thank you for trusting in PGD Bank over these years.
- (C) **We apologize for any inconvenience this may cause.**
- (D) Traffic on the boulevard has increased lately.

**Phân tích:** Ở câu trước chỗ trống, đoạn văn nói về việc đóng cửa tạm thời, là một vấn đề tiêu cực, vậy nên không thể chọn câu A, vì bắt đầu bằng “Unfortunately” thì câu trước nó phải không tiêu cực. Câu B thì không liên quan, vì cả 2 câu trước và sau đó đều vẫn đang nhắc tới việc hoạt động của các chi nhánh ngân hàng. Câu D cũng không liên quan, vì đoạn văn không hề nhắc gì tới “traffic”, vậy nên câu C đúng.

134.

- (A) investments
- (B) hiring
- (C) **hours**
- (D) interests

**Phân tích:** Câu đầu của đoạn văn nói về việc đóng cửa tạm thời một chi nhánh, và việc đó nhằm vào thời gian hoạt động của chi nhánh đó. Như vậy, về mặt nội dung, A – “đầu tư”, B – “tuyển dụng” và D – “hứng thú” không phù hợp, chỉ có C – “thời gian” là phù hợp, nên câu C đúng.



<p>To: Samuel Archerson &lt;sarcherson@vona.co.uk&gt; From: James Darrers &lt;jdarrers@sky.co.uk&gt; Date: 10 January Subject: Cost Accountant position Dear Mr. Archerson, Thank you for taking the time to meet with me today. I 135_____ our conversation, and I remain very interested in the position of cost accountant. I would welcome the opportunity to return for the third and final round of 136_____. I am confident my years of accounting experience would benefit your firm. As discussed, over the last ten years, I have helped many companies save a 137_____ amount of money. I am especially adept at analysing the day-to-day operations of a business and helping to determine more cost-effective methods. I checked regarding your question about a potential start date. 138_____. I hope to hear from you in the near future. Sincerely, James Darrers</p>	<p><b>Tạm dịch:</b> Tôi: Samuel Archerson &lt;sarcherson@vona.co.uk&gt; Từ: James Darrers &lt;jdarrers@sky.co.uk&gt; Ngày: 10 tháng 1 Chủ đề: Vị trí kế toán chi phí Thưa ông Archerson, Cảm ơn bạn đã dành thời gian để gặp tôi hôm nay. Tôi <b>rất thích</b> cuộc trò chuyện của chúng ta, và tôi vẫn rất quan tâm đến vị trí kế toán chi phí. Tôi sẽ hoan nghênh cơ hội quay trở lại vòng <b>phỏng vấn</b> thứ ba và cuối cùng. Tôi tự tin rằng kinh nghiệm kế toán nhiều năm của tôi sẽ có lợi cho công ty của bạn. Như đã thảo luận, trong mười năm qua, tôi đã giúp nhiều công ty tiết kiệm một khoản tiền <b>đáng kể</b>. Tôi đặc biệt giỏi trong việc phân tích các hoạt động hàng ngày của một doanh nghiệp và giúp xác định các phương pháp hiệu quả hơn về chi phí. Tôi đã kiểm tra về câu hỏi của bạn về một ngày bắt đầu tiềm năng. <b>Tôi sẽ có thể bắt đầu trong tuần đầu tiên của tháng Hai</b>. Tôi hy vọng được nghe từ bạn trong tương lai gần. Trân trọng, James Darrers</p>
<p>135. (A) enjoy <b>(B) enjoyed</b> (C) enjoying (D) will enjoy</p>	<p><b>Phân tích:</b> Ở câu trước đó có cấu trúc “thankyou for + V_ing”, là một hành động đã diễn ra. Như vậy sự kiện “our conversation” đã diễn ra rồi, vậy nên động từ trong chỗ trống phải ở thì quá khứ. Vậy nên câu B đúng.</p>
<p>136. (A) revisions (B) promotions <b>(C) interviews</b> (D) receptions</p>	<p><b>Phân tích:</b> Ở câu trước có nói “...interested in the position of...” nghĩa là nhân vật đang nhắm tới một vị trí công việc. Một cuộc nói chuyện về vị trí công việc có nghĩa là một cuộc phỏng vấn. Như vậy, A – “sửa đổi”, B – “khuyến mãi” và D – “chiêu đãi” là không đúng nghĩa, chỉ có câu C đúng.</p>
<p>137. (A) substance (B) substantiate (C) substantially <b>(D) substantial</b></p>	<p><b>Phân tích:</b> Sau chỗ trống là một danh từ, trước đó lại là “a”, vậy nên chỗ trống phải là một tính từ để bổ nghĩa cho danh từ đó, chỉ có câu D là tính từ nên câu D đúng.</p>



138.

- (A) I have four additional questions to ask you.  
(B) **I would be able to begin during the first week of February.**  
(C) I am confident I have the potential for this position.  
(D) Thank you for the offer of employment.

**Phân tích:** Ở câu trước đó, nhân vật nhắm tới “your question about a potential start date”, vậy nên câu sau chính là để trả lời cho “potential start date”. Câu A thì nói về “câu hỏi thêm”, câu C thì “phù hợp với vị trí”, câu D thì “lời mời làm việc” đều không phù hợp để trả lời cho câu hỏi đó, chỉ có câu B nói về “sẵn sàng để bắt đầu vào tuần đầu tháng Hai” là nói về thời gian, vậy nên câu B đúng.

To: Mason Wu <mwu@wustudios.co.nz>  
From: Trent Tuiloma  
<ttuiloma@canterburyairport.co.nz>  
Subject: Canterbury Airport project  
Date: Monday, 2 July  
Dear Mr. Wu,  
Thank you for agreeing to consult on the Canterbury Airport redesign project. 139\_\_\_\_\_. As a result, I am particularly eager to hear your ideas about upgrading our main terminal.  
Can we meet this week? There are a number of 140\_\_\_\_\_ restaurants near my office. If you are available this Friday, we could meet at Celia's Cafe on Cumberland Street. I would also like a few of my colleagues to 141\_\_\_\_\_ us. They would appreciate 142\_\_\_\_\_ ways to enhance the airport user's experience.  
I look forward to hearing from you soon.  
Sincerely,  
Trent Tuiloma  
Chairman, Canterbury Airport Redesign Team

**Tạm dịch:**

Tới: Mason Wu <mwu@wustudios.co.nz>  
Từ: Trent Tuiloma  
<ttuiloma@canterburyairport.co.nz>  
Chủ đề: Dự án sân bay Canterbury  
Ngày: Thứ Hai, ngày 2 tháng 7  
Thưa ông Wu,  
Cảm ơn bạn đã đồng ý tư vấn về dự án thiết kế lại sân bay Canterbury. **Tôi từ lâu đã ngưỡng mộ công việc của bạn trên các sân bay khu vực.** Do đó, tôi đặc biệt mong muốn được nghe ý kiến của bạn về việc nâng cấp thiết bị đầu cuối chính của chúng tôi.  
Chúng ta có thể gặp nhau trong tuần này không? Có một số nhà hàng **tuyệt vời** gần văn phòng của tôi. Nếu bạn có mặt vào thứ Sáu này, chúng ta có thể gặp nhau tại Celia's Cafe trên đường Cumberland. Tôi cũng muốn một vài đồng nghiệp của mình **tham gia** cùng chúng ta. Họ sẽ đánh giá cao việc **thảo luận** các cách để nâng cao trải nghiệm của người dùng sân bay.  
Tôi mong sớm nhận được hồi âm từ bạn.  
Trân trọng,  
Tuiloma  
Chủ tịch, Nhóm thiết kế lại sân bay Canterbury

139.

- (A) I can meet you when you arrive.  
(B) Scheduling flights can be quite tricky.  
(C) **I have long admired your work on regional airports.**  
(D) There are several dining options at the airport.

**Phân tích:** Câu sau bắt đầu bằng “as a result”, vậy nên câu trong chỗ trống phải là lý do cho câu sau. Nội dung câu sau là về “your ideas about upgrading our main terminal”, tức là câu trong chỗ trống phải liên quan tới “terminal” – “cổng sân bay”. Câu A nói về thời điểm gặp nhau, không liên quan. Câu B nói về khó khăn trong việc lên lịch chuyến bay, không liên quan tới cổng sân bay. Câu D nói về chỗ ăn, không liên quan. Chỉ có câu B nói về “your work on regional airports”, là nguyên nhân cho câu sau, nên câu C đúng.

140.

- (A) excel  
(B) **excellent**  
(C) excellently

**Phân tích:** Trong chỗ trống cần một tính từ để bổ nghĩa cho danh từ sau đó, nên câu B đúng.



(D) excelled

141.

(A) join

(B) pay

(C) remind

(D) defend

**Phân tích:** Xét về mặt nội dung, ở câu sau nói về việc các đồng nghiệp sẽ “appreciate ... ways to...”, tức là “đánh giá cao ... các cách...”, như vậy không liên quan gì tới B – “trả tiền”, cũng không có vấn đề gì diễn ra trước đó để C – “nhắc”, cũng không có điều gì để D – “bảo vệ”. Chỉ có câu A – “tham gia” phù hợp, nên câu A đúng.

142.

(A) to discuss

(B) discussing

(C) discuss

(D) discussed

**Phân tích:** Sau “appreciate” chúng ta không dùng “to V” nên loại câu A, và sau chỗ trống là danh từ nên ta không dùng động từ nguyên mẫu nên loại câu C. Câu D ở dạng bị động, khi đặt trước danh từ phải có “the” trước đó vì lúc này cụm danh từ sẽ trở thành một thứ đã được biết tới rồi, nên cũng không hợp. Như vậy câu B đúng.

SHIRESBERRY (February 15) - The second annual Shiresberry Film Festival begins on April 18 and 143\_\_\_\_\_ for five weeks. This year's offerings will not be limited to entries from North America and Europe. We will also be presenting 144\_\_\_\_\_ from Asia and South America. And everyone's favorite feature from last year's festival will be back: directors and screenwriters will hold question-and-answer sessions after their films' initial screening. Make sure you do not miss this 145\_\_\_\_\_ event. Tickets always sell out quickly. 146\_\_\_\_\_. Shiresberry Film Club members can now purchase priority tickets. Visit the Shiresberry Theater box office or [www.shiresberrytheater.com](http://www.shiresberrytheater.com).

**Tạm dịch:** SHIRESBERRY (15 tháng 2) - Liên hoan phim Shiresberry thường niên lần thứ hai bắt đầu vào ngày 18 tháng 4 và sẽ diễn ra trong năm tuần. Các lựa chọn năm nay sẽ không giới hạn ở các mục từ Bắc Mỹ và Châu Âu. Chúng tôi cũng sẽ giới thiệu các bộ phim từ châu Á và Nam Mỹ. Và chuyên mục yêu thích của mọi người từ liên hoan năm ngoái sẽ trở lại: các đạo diễn và nhà biên kịch sẽ tổ chức các buổi hỏi đáp sau buổi chiếu đầu tiên của bộ phim. Hãy chắc chắn rằng bạn không bỏ lỡ sự kiện nổi tiếng này. Vé luôn bán hết nhanh chóng. Việc bán vé sẽ mở cho công chúng vào ngày 3 tháng 3. Các thành viên của Câu lạc bộ phim Shiresberry hiện có thể mua vé ưu tiên. Ghé thăm phòng vé của Shiresberry Theater hoặc [www.shiresberrytheater.com](http://www.shiresberrytheater.com).

143.

(A) run

(B) has run

(C) will run

(D) ran

**Phân tích:** Ngày viết văn bản là 15 tháng Hai, sự kiện bắt đầu vào 18 tháng Tư, như vậy là ở tương lai, như vậy động từ trong chỗ trống phải ở thì tương lai, vậy nên câu C đúng.

144.

(A) movies

(B) clothing

(C) food

(D) books

**Phân tích:** Sự kiện là “Film Festival”, tức là về “film”, và chỉ có “movies” đồng nghĩa với “film”, còn B – “quần áo”, C – “thức ăn” và D – “sách” là không liên quan, nên câu A đúng.

145.

(A) political

(B) popular

(C) practical

(D) preliminary

**Phân tích:** Sự kiện là “Film Festival”, vậy nên câu A – “chính trị” là không liên quan, nó cũng không C – “thực tế”, và vì nó diễn ra chính thức nên cũng không phải D – “dự bị”. Vậy nên câu B đúng.





146.

- (A) The awards will be presented by Hunter Johns.  
(B) Renovations to the space are nearly complete.  
(C) The later offerings were an even bigger success.  
(D) **Sales are open to the general public on March 3**

**Phân tích:** Ở câu trước đó nói về việc bán vé (“Tickets... sell out...”), cả câu sau cũng về việc bán vé (“...purchase priority tickets”), trong khi câu A nói về “giải thưởng”, câu B nói về “việc cải tạo”, câu C nói về “lựa chọn (phim)” nên không phù hợp. Vậy nên câu D đúng.

## PART 7

### Sedwick Electronics Hiring Event

**March 2, 10:00 A.M. – 5:00 P.M.**  
**22 Myer Street, Hanover, PA 17331**

Sedwick Electronics is opening a new manufacturing facility in Hanover, Pennsylvania, and we need to fill many positions. We offer a wonderful work environment and great benefits to our employees.

Come to the event and hear from employees from our Lancaster facility about their experience, learn about the open positions, and speak with our recruiters. No RSVP is necessary. Bring copies of your resume.

### Sự kiện tuyển dụng từ Công ty điện tử Sedwick

**Ngày 2 tháng 3, 10:00 sáng - 5:00 chiều**  
**22 Phố Myer, Hanover, PA 17331**

Công ty điện tử Sedwick đang mở một cơ sở sản xuất mới ở Hanover, Pennsylvania, và chúng tôi cần tuyển nhiều vị trí. Chúng tôi cung cấp một môi trường làm việc mơ ước và lợi ích tuyệt vời cho nhân viên của chúng tôi.

Hãy đến sự kiện và nghe ý kiến của các nhân viên từ cơ sở Lancaster của chúng tôi về trải nghiệm của họ, tìm hiểu về các vị trí đang tuyển và nói chuyện với các nhà tuyển dụng của chúng tôi. Không cần phải phản hồi hay xác nhận lại thông báo này. Chỉ cần mang theo bản sao sơ yếu lý lịch của bạn.

147. For whom is the advertisement intended?

- (A) Recruiters  
(B) **Job seekers**  
(C) Local business owners  
(D) Current Sedwick Electronics employees

Ta thấy tựa đề của quảng cáo này là “Sự kiện tuyển dụng...” (...Hiring Event), nên câu B là đáp án đúng.

147. Quảng cáo này dành cho ai?

- (A) Nhà tuyển dụng  
(B) **Người tìm việc**  
(C) Chủ doanh nghiệp địa phương  
(D) Nhân viên hiện tại của Sedwick

148. What is stated about Sedwick Electronics?

- (A) It is moving its headquarters.  
(B) It offers a training program for new employees.  
(C) It requires employees to wear uniforms.  
(D) **It will have more than one location.**

Ta thấy câu “Công ty điện tử Sedwick đang mở một cơ sở sản xuất mới...” (Sedwick Electronics is opening a new manufacturing facility...), đồng nghĩa với việc công ty sẽ có thêm một địa điểm, nên câu D là đáp án đúng.

148. Những gì được nêu về Công ty điện tử Sedwick?

- (A) Công ty đang chuyển trụ sở chính.  
(B) Công ty cung cấp một chương trình đào tạo cho nhân viên mới.  
(C) Công ty yêu cầu nhân viên mặc đồng phục.  
(D) **Công ty sẽ có nhiều hơn một địa điểm.**

### Aguni Plumbing Supply Returns

Beginning March 1 at all Aguni Plumbing Supply locations, customers will be able to come to our stores to return purchases made online. For a

### Nhà cung cấp ống nước Aguni đã quay trở lại

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 3 tại tất cả các địa điểm của Hệ thống nhà cung cấp ống nước Aguni, khách hàng sẽ có thể đến các cửa hàng của chúng tôi để hoàn lại



complete refund, the return must be made within 30 days of purchase and must be accompanied by a receipt. In addition, the merchandise must be returned in the original packaging, and all components must be included. After 30 days, refunds will be limited to in-store credit only. Defective items may be exchanged for the same item only.

các giao dịch được thanh toán trực tuyến. Để được hoàn lại tiền đầy đủ, việc hoàn trả phải được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày mua và phải kèm theo biên nhận. Ngoài ra, hàng hóa phải được trả lại trong bao bì gốc, và tất cả các thành phần phải được bao gồm bên trong. Sau 30 ngày, việc hoàn tiền sẽ chỉ giới hạn ở giao dịch tại cửa hàng. Các mặt hàng bị lỗi chỉ có thể được trao đổi với cùng một mặt hàng.

149. What will happen on March 1?

(A) A shipment will be returned.

**(B) A new policy will go into effect.**

(C) A promotional sale will take place.

(D) A customer survey will be published.

Ta thấy cả bài thông báo này nói về chính sách hoàn trả sản phẩm mới của công ty Aguni (“Bắt đầu từ..., khách hàng sẽ có thể...hoàn lại các giao dịch...”, nên câu B là đáp án đúng.

149. Điều gì sẽ xảy ra vào ngày 1 tháng 3?

(A) Một lô hàng sẽ được trả lại.

**(B) Một chính sách mới sẽ có hiệu lực.**

(C) Một đợt khuyến mại sẽ diễn ra.

(D) Một cuộc khảo sát khách hàng sẽ được công bố.

150. What is NOT a requirement for a complete refund?

**(A) The return must be made at the original purchase location.**

(B) The return must be made within a certain time frame.

(C) The item must be returned with all its components.

(D) The item must be returned in the original packaging.

Vì chính sách này áp dụng cho các giao dịch trực tuyến, nên không thể có “địa điểm mua ban đầu” để đề cập tới, nên câu A là đáp án đúng.

150. Điều gì KHÔNG phải là một yêu cầu để được hoàn trả đầy đủ?

**(A) Việc hoàn trả phải được thực hiện tại địa điểm mua ban đầu.**

(B) Việc trả lại phải được thực hiện trong một khung thời gian nhất định.

(C) Mục phải được trả lại với tất cả các thành phần của nó.

(D) Các mặt hàng phải được trả lại trong bao bì gốc.

### Springfield Community School

#### Computer Courses

#### Internet Safety

This course teaches students everything they need to navigate the Web safely.

Course ID	Class Time	Instructor	Room
249800: 01	Tuesday 5:30-7:30 PM.	Patrick McCann	211
249800: 02	Saturday 1:00-3:00 PM.	Nora Farid	166

### Trường giáo dục cộng đồng Springfield

#### Các khóa học máy tính

#### An toàn mạng Internet

Khóa học này sẽ dạy cho sinh viên mọi thứ họ cần để sử dụng Web một cách an toàn.

Mã khóa học	Giờ lên lớp	Giảng viên	Phòng
249800: 01	Thứ ba 5:30 - 7:30 PM	Patrick McCann	211
249800: 02	Thứ Bảy 1:00 - 3:00 PM	Nora Farid	166





### Spreadsheet Basics

This course teaches the basics of online spreadsheets. Students will learn how to create effective charts for calculating and analyzing data clearly and easily.

Course ID	Class Time	Instructor	Room
225810: 01	Thursday 5:30-8:30 PM.	Remi Sanders	118
225810: 02	Sunday 1:00-4:00 PM.	Nora Farid	315

### Khái niệm cơ bản về bảng tính

Khóa học này sẽ dạy những điều cơ bản của bảng tính trực tuyến. Học sinh sẽ học cách tạo biểu đồ hiệu quả để tính toán và phân tích dữ liệu rõ ràng và dễ dàng.

Mã khóa học	Giờ lên lớp	Giảng viên	Phòng
225810: 01	Thứ năm 5:30 - 8:30 PM	Remi Sanders	118
225810: 02	Chủ nhật 1:00 - 4:00 PM	Nora Farid	315

151. Why would people enroll in the course taught by Ms. Sanders?

- (A) To practice designing Web sites
- (B) To improve their Internet searches
- (C) To get tips on creating spreadsheets**
- (D) To learn how to advertise on the Internet

Ta thấy cô Sanders là người phụ trách lớp “Khái niệm cơ bản về bảng tính” (**Spreadsheet Basics**), nên câu C là đáp án hợp lý nhất.

152. What is indicated about Ms. Farid?

- (A) She also teaches children.
- (B) She is Ms. Sanders' supervisor.
- (C) She teaches twice a week.**
- (D) She used to work as a data analyst.

Ta thấy cô Farid là người dạy cả hai khoá học, ngoài ra các câu trả lời còn lại đều không chính xác, nên câu C là đáp án đúng.

151. Tại sao mọi người sẽ ghi danh vào khóa học do cô Sanders giảng dạy?

- (A) Để thực hành thiết kế trang web
- (B) Để cải thiện cách tìm kiếm trên Internet của họ
- (C) Để nhận mẹo về cách tạo bảng tính**
- (D) Để tìm hiểu cách quảng cáo trên Internet

152. Những gì được nói đến về cô Farid?

- (A) Cô ấy cũng dạy trẻ em.
- (B) Cô ấy là người giám sát của cô Sanders.
- (C) Cô ấy dạy hai lần một tuần.**
- (D) Cô ấy từng làm việc như một nhà phân tích dữ liệu.

**Sally Witham (4:47 P.M.)**

Hi Wakiko. I just finished up here at the Kyoto store. I'll be on the train that arrives in Tokyo at 11:35 tomorrow morning. How should I get to your location?

**Wakiko Ohara (4:48 P.M.)**

I'll have an associate pick you up at the station. How do things look in Kyoto?

**Sally Witham (4:49 P.M.)**

**Sally Witham (4:47 PM)**

Xin chào Wakiko. Tôi vừa xong việc ở đây tại cửa hàng ở Kyoto. Tôi sẽ lên chuyến tàu đến Tokyo lúc 11:35 sáng mai. Làm thế nào tôi đến được chỗ của bạn?

**Wakiko Ohara (4:48 PM)**

Tôi sẽ có một cộng sự đón bạn tại ga. Mọi thứ ở Kyoto thế nào?

**Sally Witham (4:49 PM)**



The Kyoto store is doing a great job. It has everything that we at the home office are looking for. Athletic shoes and sandals are displayed according to specifications, and sales associates are friendly and knowledgeable.

**Wakiko Ohara (4:51 P.M.)**

You should like things here, too. Do you want to begin your visit after lunch, say at 2:00?

**Sally Witham (4:52 P.M.)**

Sounds good. See you tomorrow.

Cửa hàng ở Kyoto làm việc tuyệt lắm. Nó có mọi thứ mà chúng tôi ở văn phòng chính đang mong đợi. Giày và dép thể thao được trưng bày theo thông số kỹ thuật, và các cộng tác viên bán hàng rất thân thiện và hiểu biết.

**Wakiko Ohara (4:51 PM)**

Thế thì bạn cũng sẽ thích những thứ ở đây thôi. Bạn có muốn bắt đầu chuyến thăm của bạn sau bữa ăn trưa, xem nào, lúc 2:00?

**Sally Witham (4:51 PM)**

Nghe được đấy. Hẹn gặp bạn vào ngày mai.

153. Why did Ms. Witham contact Ms. Ohara?

- (A) To review sales figures
- (B) To arrange a store visit**
- (C) To discuss employee performance reviews
- (D) To determine the most convenient train to take

Ta thấy các câu như “Làm thế nào tôi đến được chỗ của bạn?” (How should I get to your location?), “Tôi sẽ có một cộng sự đón bạn tại ga” (I'll have an associate pick you up at the station) và “Bạn có muốn bắt đầu chuyến thăm của bạn...” (Do you want to begin your visit...) là những minh chứng cho chuyến thăm của cô Witham tới cửa hàng của cô Ohara, và họ đang bàn bạc về việc đưa đón và tham quan của cô Witham, nên câu B là đáp án đúng.

154. At 4:51 P.M., what does Ms. Ohara most likely mean when she writes, "You should like things here, too"?

- (A) The Tokyo store is being run according to corporate policy.**
- (B) Ms. Witham will find the athletic shoes she needs.
- (C) Ms. Ohara's associate is always punctual.
- (D) The Tokyo store is located next to a popular restaurant.

Ta thấy cô Witham nói rằng “Cửa hàng ở Kyoto làm việc tuyệt lắm. Nó có mọi thứ mà chúng tôi ở văn phòng chính đang mong đợi” (The Kyoto store is doing a great job. It has everything that we at the home office are looking for), nghĩa là trụ sở chính đã đưa ra những chính sách (về trưng bày và cộng tác viên) và yêu cầu các cửa hàng áp dụng theo; sau đó cô Ohara trả lời rằng “Thế thì bạn cũng sẽ thích mọi thứ ở đây thôi” (You should like things here, too), đồng nghĩa với việc cô Witham cũng sẽ thích cửa hàng Tokyo vì cùng lý do đó (cửa hàng áp dụng chính sách của công ty), nên câu A là đáp án đúng.

Chú thích: Bài này rất dễ nhầm lẫn việc cả cô Witham và Ohara đều làm ở trụ sở chính vì 2 lý do: 1/ 3 đoạn tin nhắn đầu không cho ta biết cô Ohara cũng làm ở một cửa hàng, 2/ Từ “we” trong “we at the home office are looking for” có thể bị hiểu là chúng ta → cả cô Witham và Ohara. Ta chỉ biết được cô Ohara làm ở cửa hàng Tokyo qua câu “Thế thì bạn cũng sẽ thích những thứ ở đây thôi” (You should like things here, too). Vậy nên cần phải đọc hiểu thật kỹ và suy luận chính xác để tránh bị nhầm lẫn.

153. Tại sao cô Witham liên lạc với cô Ohara?

- (A) Để xem xét số liệu bán hàng
- (B) Để sắp xếp một chuyến thăm cửa hàng**
- (C) Để thảo luận về đánh giá hiệu suất của nhân viên
- (D) Để xác định chuyến tàu thuận tiện nhất để đi

154. Vào lúc 4: 51 PM, cô Ohara có thể có ý gì khi cô viết, "Thế thì bạn cũng sẽ thích mọi thứ ở đây thôi"?

- (A) Cửa hàng Tokyo cũng đang được điều hành theo chính sách của công ty.**
- (B) Cô Witham sẽ tìm thấy đôi giày thể thao mà cô ấy cần.
- (C) Cộng sự của cô Ohara luôn đúng giờ.
- (D) Cửa hàng Tokyo nằm cạnh một nhà hàng nổi tiếng.



<b>Structure:</b> Blaine River Drawbridge		<b>Location:</b> Ridgeline Highway, KM 147	<b>Công trình:</b> Cầu rút sông Blaine		<b>Địa điểm:</b> Cao tốc Ridgeline, KM 147
<b>Main span material:</b> Steel girder		<b>Owner:</b> State Highway Agency	<b>Vật liệu nhịp chính:</b> Dầm thép		<b>Chủ sở hữu:</b> Cục Quản lý cao tốc Trung ương
<b>Age of structure:</b> 30 years		<b>Report completed by:</b> Vivian Tulio	<b>Tuổi của công trình:</b> 30 tuổi		<b>Báo cáo hoàn thành bởi:</b> Vivian Tulio
		<b>Date:</b> October 17			<b>Ngày:</b> 17 tháng 10
<b>Notes:</b> The bridge is overall structurally sound. Inform Department of Transportation about small cracks in asphalt.			<b>Ghi chú:</b> Cây cầu có cấu trúc tổng thể hoàn chỉnh. Thông báo cho Bộ Giao thông vận tải về các vết nứt nhỏ trên nhựa đường.		
Bridge component	Rating	<b>Key to ratings</b> <b>1</b> Failed; immediate closure required <b>2</b> Deteriorated; may fail soon <b>3</b> Shows deterioration but still functions within acceptable parameters <b>4</b> Shows minor wear <b>5</b> New condition <b>6</b> Not applicable	Hạng mục xây dựng cầu	Xếp hạng	Tiêu chí xếp hạng
Support elements	4		Các yếu tố hỗ trợ	4	1 Hư hại nặng; yêu cầu đóng công trình ngay lập tức
Towers	4		Tháp	4	2 Hỏng hóc; có thể hư hại sớm
Road surface	3		Mặt đường	3	3 Có dấu hiệu hỏng hóc nhưng vẫn hoạt động trong các tham số chấp nhận được
Drainage features	4		Hệ thống thoát nước	4	4 Có tổn hại nhỏ
Safety barriers	5		Hàng rào an toàn	5	5 Tình trạng còn mới
Sidewalk or walkway	6		Via hè hoặc lối đi	6	6 Không có trong công trình

155. What did Ms. Tulio most likely do?

- (A) Make repairs
- (B) Hire a contractor
- (C) **Perform an inspection**
- (D) Authorize a construction plan

Ta thấy đây là 1 bản báo cáo (**Report**) về tình trạng của một công trình, vậy có khả năng cao cô Tulio là người đã thanh tra (**inspect**) công trình này và ghi lại bản báo cáo, nên câu C là đáp án đúng.

156. What part of the structure is in most need of maintenance?

- (A) The support elements
- (B) **The road surface**
- (C) The drainage features
- (D) The safety barriers

155. Cô Tulio rất có thể đã làm việc gì?

- (A) Sửa chữa
- (B) Thuê một nhà thầu
- (C) **Thực hiện một cuộc thanh tra**
- (D) Ủy quyền cho một kế hoạch xây dựng

156. Phần nào của công trình là cần bảo trì nhất?

- (A) Các yếu tố hỗ trợ
- (B) **Mặt đường**
- (C) Hệ thống thoát nước
- (D) Các rào chắn an toàn



Theo bản báo cáo, mặt đường (**Road surface**) được xếp hạng 3 trên thang điểm 6, thấp nhất trong số các hạng mục. Đối chiếu với tiêu chí xếp hạng, 3 nghĩa là đã có dấu hiệu hỏng hóc, vậy mặt đường chính là phần cần được bảo trì nhất, nên câu B là đáp án đúng.

157. What is probably true about the Blaine River Drawbridge?

- (A) **It was not designed for pedestrian use.**
- (B) It will be closed for the month of October.
- (C) It does not have the required signage.
- (D) It is the oldest bridge on the Ridgeline Highway.

157. Điều gì có lẽ đúng về Cầu rút sông Blaine?

- (A) **Nó không được thiết kế để cho người đi bộ sử dụng.**
- (B) Nó sẽ bị đóng cửa trong tháng Mười.
- (C) Nó không có biển báo yêu cầu.
- (D) Đây là cây cầu cổ nhất trên Đường cao tốc Ridgeline.

Ta xem xét từng câu trả lời. Câu A: nơi để cho “người đi bộ sử dụng” (**pedestrian use**) chính là vỉa hè hay lề đường (**sidewalk or walkway**); theo báo cáo thì vỉa hè xếp hạng 6 – không có trong công trình, đồng nghĩa với việc nó không được thiết kế để cho người đi bộ sử dụng, vậy rất có khả năng đây là câu đúng. Câu B: Tháng Mười (October) là thời điểm cô Tulio viết báo cáo, nên câu này sai. Câu C: Biển báo (Signage) không được đề cập tới trong báo cáo, nên câu này sai. Câu D: Việc nó là cây cầu cổ nhất hay không không được đề cập tới, nên câu này sai. Vậy câu A là đáp án đúng.

#### Subway Sound to be Upgraded

BOSTON (April 1) - The public address systems at selected subway stations are scheduled to be refurbished, the Transit Authority announced this week. The systems are used to make announcements to commuters both on the platforms and in the stations.

Local commuters welcomed the news, although for some it was long overdue.

"It can be pretty difficult to understand the announcements at some of the stations I use most frequently," said Ian Miller, who has taken the subway to work nearly every week for the past eighteen years. "I had heard the reports about it on TV, and all I can say is that it is about time!"

Some of the systems currently in use are more than 30 years old. Worn-out speakers, wiring, microphones, and amplifiers will be replaced with new, more reliable devices. The work should be completed in October and cost more than \$11 million.

Boston's subway system came together in stages over the course of several years. The foundational component of the system's Green Line first opened on Tremont Street in the late 1890s. It was the first of its kind in the United States.

#### Âm thanh ga điện ngầm sẽ được nâng cấp

BOSTON (1 tháng 4) - Hệ thống thông báo công cộng tại các ga tàu điện ngầm được chọn sẽ được tân trang lại, Cơ quan Quản lý Giao thông công bố trong tuần này. Các hệ thống này được sử dụng để thông báo cho người đi lại cả trên sân ga và trong các trạm.

Những người di chuyển để đi làm tại địa phương hoan nghênh tin tức này, mặc dù đối với một số người thì điều đó nên được làm lâu rồi.

"Khá là khó để hiểu được các thông báo tại một số nhà ga tôi sử dụng thường xuyên nhất", trích lời Ian Miller, người đã đi tàu điện ngầm làm việc gần như mỗi tuần trong mười tám năm qua. "Tôi đã nghe các báo cáo về nó trên TV, và tất cả những gì tôi có thể nói là đã đến lúc rồi!"

Một số hệ thống hiện đang sử dụng đã hơn 30 năm tuổi. Loa đã hỏng, hệ thống dây điện, micro và bộ khuếch đại sẽ được thay thế bằng các thiết bị mới, đáng tin cậy hơn. Công việc sẽ được hoàn thành vào tháng 10 và tốn hơn 11 triệu đô la.

Hệ thống tàu điện ngầm của Boston đã được liên kết với nhau qua các giai đoạn trong rất nhiều năm. Thành phần nền tảng Green Line của hệ thống lần đầu tiên được mở trên đường Tremont vào cuối





	những năm 1890. Đó là lần đầu tiên xuất hiện loại hình này ở Hoa Kỳ.
--	--

158. What is the purpose of the article?  
 (A) To clarify where subway riders can locate information  
**(B) To describe improvements at some subway stations**  
 (C) To announce the creation of a new subway line  
 (D) To explain why subway schedules will be revised

158. Mục đích của bài viết là gì?  
 (A) Để làm rõ nơi người đi tàu điện ngầm có thể xác định vị trí thông tin  
**(B) Để mô tả các cải tiến tại một số ga tàu điện ngầm**  
 (C) Để thông báo việc tạo ra một tuyến tàu điện ngầm mới  
 (D) Để giải thích tại sao lịch trình tàu điện ngầm sẽ được sửa đổi

Ta thấy tựa đề bài viết là “Âm thanh ga điện ngầm sẽ được nâng cấp”, nên câu B là đáp án đúng.

159. How does Mr. Miller feel about the plans?  
 (A) He expects the project to fail.  
 (B) He is concerned about the cost.  
 (C) He believes the work is unnecessary.  
**(D) He has been waiting for the changes.**

Ông Miller nói rằng “tất cả những gì tôi có thể nói là đã đến lúc rồi” (all I can say is that it is about time), đồng nghĩa với việc ông ấy đã chờ đợi những thay đổi này từ lâu, nên câu D là đáp án đúng.

159. Ông Miller cảm thấy thế nào về các kế hoạch?  
 (A) Ông hy vọng dự án sẽ thất bại.  
 (B) Ông ấy quan tâm đến chi phí.  
 (C) Ông tin rằng công việc là không cần thiết.  
**(D) Ông ấy đã chờ đợi những thay đổi.**

160. The word "stages" in paragraph 5, line 2, is closest in meaning to  
**(A) steps**  
 (B) scenes  
 (C) train cars  
 (D) platforms

Ta thấy câu “Hệ thống tàu điện ngầm của Boston đã được liên kết với nhau qua các giai đoạn trong rất nhiều năm”, nếu thay từ “qua các giai đoạn” thành “theo các bước tuần tự” thì vẫn giữ được nghĩa của câu, nên câu A là đáp án đúng.

160. Từ "giai đoạn" trong đoạn 5, dòng 2, có nghĩa gần nhất với  
**(A) các bước**  
 (B) cảnh  
 (C) xe lửa  
 (D) nền tảng

<p><b>To:</b> All Staff  <b>From:</b> Selene Hong  <b>Date:</b> March 25  <b>Subject:</b> Reminder</p> <p>Dear Staff,</p> <p>I would like to draw your attention to several new procedures regarding business trip expense reports. - [1] -. Beginning next month, business-related dining receipts must be accompanied by a listing of each dinner attendee. Also, please make sure that you do not include receipts for any non-work-related items or activities with your report. - [2] -. Finally, note that our accounting software will now automatically calculate</p>	<p><b>Đến:</b> Toàn thể nhân viên  <b>Từ:</b> Selene Hồng  <b>Ngày:</b> 25 tháng 3  <b>Chủ đề:</b> Nhắc nhở</p> <p>Kính gửi toàn thể nhân viên,</p> <p>Tôi muốn các bạn chú ý vào các quy trình mới liên quan đến báo cáo chi phí cho các chuyến đi công tác. - [1] -. Bắt đầu từ tháng tới, hóa đơn ăn uống liên quan đến công việc phải được kèm theo một danh sách gồm những người tham dự bữa tối. Ngoài ra, vui lòng đảm bảo rằng bạn không bao gồm hoá đơn của bất kỳ hạn mục hoặc hoạt động không liên quan đến công việc nào với báo cáo của bạn. - [2] -. Cuối</p>
---	---



<p>for you the total to be reimbursed. You need only to upload images of your receipts for the software to do this.</p> <p>I will be happy to respond to your questions. - [3] -. However, I will be flying to Tokyo this Friday to meet clients, so I will not be checking e-mail that day. - [4] -. Sincerely,</p> <p>Selene Assistant Director, Human Resources Department Datoric Systems</p>	<p>cùng, lưu ý rằng phần mềm kế toán của chúng tôi sẽ tự động tính toán cho bạn tổng số tiền được hoàn trả. Bạn chỉ cần tải lên hình ảnh biên lai của mình để phần mềm thực hiện việc này.</p> <p>Tôi sẽ rất vui lòng trả lời thắc mắc của các bạn. - [3] -. Tuy nhiên, tôi sẽ bay đến Tokyo vào thứ Sáu này để gặp gỡ khách hàng, vì vậy tôi sẽ không kiểm tra e-mail vào ngày hôm đó. - [4] -.</p> <p>Trân trọng,</p> <p>Selene Trợ lý giám đốc, phòng nhân sự Công ty hệ thống Datoric</p>
---	---

161. What is indicated about Datoric Systems?

- (A) It has increased the spending amount allowed for business dinners.
- (B) It will adopt new procedures for filing travel expense reports.**
- (C) It has office locations in several countries.
- (D) It plans to hold a company celebration.

Ta thấy câu “các quy trình mới liên quan đến báo cáo chi phí cho các chuyến đi công tác” (several **new procedures** regarding business **trip expense reports**), nên câu B là đáp án đúng.

162. Why is the accounting software mentioned?

- (A) To highlight a special capability it has**
- (B) To encourage staff to install it
- (C) To help employees log on to it
- (D) To point out that it will be replaced

Ta thấy câu “phần mềm kế toán của chúng tôi sẽ tự động tính toán cho bạn tổng số tiền được hoàn trả” (our accounting software will now **automatically calculate** for you **the total** to be reimbursed), chính là khả năng đặc biệt (**special capability**) của phần mềm này, nên câu A là đáp án đúng.

163. In which of the positions marked [1], [2], [3], and [4] does the following sentence best belong?

"Following these steps will enable us to quickly issue your reimbursement payment."

- (A) [1]**
- (B) [2]
- (C) [3]
- (D) [4]

Ta thấy cụm từ “các bước này” (these steps), nên trước hoặc sau câu này phải đề cập đến các bước để đạt được mục đích (“nhanh chóng thông qua các khoản hoàn trả cho bạn”). Ta loại bỏ [3] và [4] vì trước và sau 2 vị trí đó không nói về các bước, loại [2] vì phía trước đang nói về hai bước để thực hiện, nhưng phía sau cũng lại nói

161. Những gì được nói đến về Công ty hệ thống Datoric?

- (A) Nó đã tăng số tiền chi tiêu được phép cho bữa tối kinh doanh.
- (B) Nó sẽ áp dụng các quy trình mới để xử lý báo cáo chi phí đi lại.**
- (C) Nó có địa điểm văn phòng ở một số quốc gia.
- (D) Nó có kế hoạch tổ chức một lễ kỷ niệm công ty.

chi phí cho các chuyến đi công tác” (several **new**

162. Tại sao phần mềm kế toán được đề cập?

- (A) Để làm nổi bật một khả năng đặc biệt mà nó có**
- (B) Để khuyến khích nhân viên cài đặt nó
- (C) Để giúp nhân viên đăng nhập vào nó
- (D) Để chỉ ra rằng nó sẽ được thay thế

163. Trong các vị trí được đánh dấu [1], [2], [3] và [4] thì câu sau đây thuộc về vị trí nào là tốt nhất?

"Thực hiện theo các bước này sẽ cho phép chúng tôi nhanh chóng thông qua các khoản hoàn trả cho bạn."

- (A) [1]**
- (B) [2]
- (C) [3]
- (D) [4]





đến bước cuối cùng, vậy vị trí đó không phù hợp với câu trên. Vậy còn vị trí [1], đứng sau nó chính là 3 bước thực hiện, nên câu A là đáp án đúng.

<b>E-Commerce Opening Doors for African Fashion Industry</b>	<b>Cánh cửa thương mại điện tử rộng mở cho ngành thời trang châu Phi</b>
<p>ADDIS ABABA (6 May)- Africa's role as a consumer of fashion has been on the rise in recent years. This trend is largely due to the emergence of e-commerce, which provides Africans the opportunity to buy clothing from retailers with no physical presence on the continent.</p> <p>Perhaps more importantly, though, the growth of e-commerce is enabling small scale African designers to also become producers of fashion, as they showcase their collections to consumers worldwide. African shopping Web sites like Jumjum and Longa are making the work of African designers available for purchase not just throughout the continent, but also as far away as London and New York. - [1] -.</p> <p>"African designers are finally gaining visibility," says Mazaa Absher, founder of Abbi Sportscore, Africa's fastest-growing athletic footwear company. "We have always had terrific design and production capacity here on the continent, but it was hard getting it out into the world. Now we are generating more sales online than we are in our stores." - [2] -.</p> <p>Even as Ms. Absher has transformed her company into an international powerhouse, she continues to highlight the advantages of manufacturing its products in her home city of Nazret. - [3] -. Africa's strong textile sector and innovative designs combine tradition and wearability, and this formula is allowing companies like hers to set their sights beyond the continent.</p> <p>"As more cities in Ethiopia-and all over Africa- improve their manufacturing capacity, it will become easier to reach the rest of the world," says Ms. Absher. - [4] -.</p>	<p>Addis Ababa (6 tháng 5) - Vai trò của châu Phi như một thị trường tiêu dùng thời trang đã gia tăng trong những năm gần đây. Xu hướng này phần lớn là do sự xuất hiện của thương mại điện tử, nơi cung cấp cho người châu Phi cơ hội mua quần áo từ các nhà bán lẻ không có sự hiện diện trực tiếp trên lục địa.</p> <p>Mặc dù vậy, có lẽ quan trọng hơn là, sự phát triển của thương mại điện tử đang cho phép các nhà thiết kế châu Phi quy mô nhỏ cũng có thể trở thành nhà sản xuất thời trang, khi họ giới thiệu bộ sưu tập của họ với người tiêu dùng trên toàn thế giới. Các trang web mua sắm châu Phi như Jumjum và Longa đang làm cho các sản phẩm của các nhà thiết kế châu Phi không chỉ được mua trên khắp lục địa, mà còn xa hơn tận London và New York. - [1] -.</p> <p>"Các nhà thiết kế châu Phi cuối cùng đã có được tầm nhìn", trích lời Mazaa Absher, người sáng lập Abbi Sportscore, công ty giày thể thao phát triển nhanh nhất châu Phi. "Chúng tôi luôn có thiết kế tuyệt vời và năng lực sản xuất ở đây trên lục địa, nhưng thật khó để đưa nó ra thế giới. Bây giờ doanh số bán hàng trực tuyến chúng tôi đang tạo ra còn cao hơn so với trong các cửa hàng của chúng tôi." - [2] -.</p> <p>Ngay cả khi bà Absher đã biến công ty của mình thành một gã khổng lồ trên trường quốc tế, bà vẫn tiếp tục nêu bật những lợi thế của việc sản xuất các sản phẩm của mình tại thành phố Nazret. - [3] -. Ngành dệt may mạnh mẽ của châu Phi và các thiết kế sáng tạo đang kết hợp truyền thống và sự bền bỉ của chất liệu, và công thức này đang cho phép các công ty như của bà đặt tầm nhìn ra ngoài lục địa.</p> <p>"Khi nhiều thành phố ở Ethiopia - và trên khắp châu Phi - cải thiện năng lực sản xuất, việc tiếp cận với phần còn lại của thế giới sẽ trở nên dễ dàng hơn", bà Absher nói. - [4] -.</p>

164. What is the main topic of the article?  
(A) New trends in marketing athletic footwear

164. Chủ đề chính của bài viết là gì?  
(A) Xu hướng mới trong tiếp thị giày thể thao



- (B) Increased competition in the African clothing market  
(C) **Recent growth in the African fashion industry**  
(D) The largest clothing companies in Africa

Đọc 2 đoạn đầu ta thấy được bài viết chủ yếu nói về việc tiêu dùng thời trang và sản xuất thời trang ngày càng phát triển ở châu Phi (“Vai trò của châu Phi như một thị trường tiêu dùng thời trang đã gia tăng trong những năm gần đây”; “sự phát triển của thương mại điện tử đang cho phép các nhà thiết kế châu Phi quy mô nhỏ cũng có thể trở thành nhà sản xuất thời trang, khi họ giới thiệu bộ sưu tập của họ với người tiêu dùng trên toàn thế giới”), nên câu C là đáp án đúng.

165. What is indicated about Abbi Sportscore?  
(A) It sells its products only online.  
(B) **It manufactures its shoes in Nazret.**  
(C) It will be moving its main offices soon.  
(D) It was the first shoe company in Ethiopia.

Ta thấy câu “bà vẫn tiếp tục nêu bật những lợi thế của việc sản xuất các sản phẩm của mình tại thành phố Nazret” (she continues to highlight the advantages of manufacturing its products in her home city of Nazret), đồng nghĩa với việc công ty của bà sản xuất giày ở Nazret (**manufactures its shoes in Nazret**), nên câu B là đáp án đúng.

166. What is suggested about the Jumjum and Longa Web sites?  
(A) They sell only handcrafted goods.  
(B) **They receive orders from around the world.**  
(C) They offer free shipping to London and New York.  
(D) They are planning to open retail stores.

Ta thấy câu “Các trang web mua sắm châu Phi như Jumjum và Longa đang làm cho các sản phẩm của các nhà thiết kế châu Phi không chỉ được mua trên khắp lục địa, mà còn xa hơn tận London và New York”, đồng nghĩa với việc các trang web này giúp các nhà thiết kế có được các đơn hàng từ những nơi khác ngoài châu Phi (toàn thế giới), nên câu B là đáp án đúng.

167. In which of the positions marked [1], [2], [3], and [4] does the following sentence best belong?  
"The city boasts four garment factories, with a fifth scheduled to be built this year in nearby Wonji."  
(A) [1]  
(B) [2]  
(C) **[3]**  
(D) [4]

- (B) Gia tăng cạnh tranh trong thị trường quần áo châu Phi  
(C) **Sự tăng trưởng gần đây trong ngành thời trang châu Phi**  
(D) Các công ty quần áo lớn nhất ở Châu Phi

165. Những gì được nói đến về Công ty Abbi Sportcore?  
(A) Công ty chỉ bán sản phẩm trực tuyến.  
(B) **Công ty sản xuất giày của họ ở Nazret.**  
(C) Công ty sẽ chuyển văn phòng chính trong thời gian tới.  
(D) Đó là công ty giày đầu tiên ở Ethiopia.

166. Có gợi ý gì về các trang web Jumjum và Longa?  
(A) Chúng chỉ bán hàng thủ công.  
(B) **Chúng nhận được đơn đặt hàng từ khắp nơi trên thế giới.**  
(C) Chúng cung cấp vận chuyển miễn phí đến London và New York.  
(D) Chúng đang lên kế hoạch mở các cửa hàng bán lẻ.

167. Trong các vị trí được đánh dấu [1], [2], [3] và [4] thì câu sau đây thuộc về vị trí nào là tốt nhất?  
"Thành phố tự hào có bốn nhà máy may mặc, với nhà máy thứ năm dự kiến sẽ được xây dựng trong năm nay tại Wonji gần đó."  
(A) [1]  
(B) [2]  
(C) **[3]**  
(D) [4]



Khi đọc bài ta thấy, trước vị trí [3] có câu "...bà vẫn tiếp tục nêu bật những lợi thế của việc sản xuất các sản phẩm của mình tại thành phố Nazret" (...she continues to highlight the advantages of manufacturing its products in her home city of Nazret). Sau vị trí [3], những lợi thế đó là gì chưa được đề cập đến. Câu "Thành phố tự hào có bốn nhà máy may mặc, với nhà máy thứ năm dự kiến sẽ được xây dựng trong năm nay tại Wonji gần đó" chính là nói về lợi thế của thành phố Nazret, nên vị trí [3] là vị trí thích hợp nhất cho câu này. Vậy câu C là đáp án đúng.

<p><b>Gary Park (10:23 A.M.)</b> I e-mailed you the cover design for our September issue a few minutes ago. Did you receive it?</p> <p><b>Jill Riley (10:26 A.M.)</b> Yes, but is this the latest version? I thought we agreed that the background color should be lighter so the article titles are more visible.</p> <p><b>Gary Park (10:28 A.M.)</b> I forgot-sorry about that! I'm just now sending the file with the most recent version.</p> <p><b>Jill Riley (10:30 A.M.)</b> Opening it now ... That's more like it. I'll forward it to Graphics and request a sample printout.</p> <p><b>Jill Riley (10:35 A.M.)</b> Good morning, Mr. Ojeda. Our new cover design is ready. When do you think you'll have a chance to work on it?</p> <p><b>Frank Ojeda (10:38 A.M.)</b> Send it to me now. I'll have a print copy ready for your approval after lunch.</p>	<p><b>Gary Park (10:23 A.M.)</b> Tôi đã gửi mail cho bạn bản thiết kế bìa cho số tháng 9 của chúng tôi vài phút trước. Bạn đã nhận được nó?</p> <p><b>Jill Riley (10:26 A.M.)</b> Có, nhưng đây có phải là phiên bản mới nhất không? Tôi nghĩ chúng ta đã đồng ý rằng màu nền nên nhạt hơn để tiêu đề bài viết dễ nhìn thấy hơn.</p> <p><b>Gary Park (10:28 A.M.)</b> Tôi đã quên mất - xin lỗi về điều đó! Tôi hiện đang gửi tệp với phiên bản mới nhất.</p> <p><b>Jill Riley (10:30 A.M.)</b> Tôi đang mở nó ... Trông giống hơn rồi. Tôi sẽ chuyển tiếp nó đến phòng Đồ họa và yêu cầu bản in mẫu.</p> <p><b>Jill Riley (10:35 A.M.)</b> Chào buổi sáng, ông Ojeda. Thiết kế bìa mới của chúng tôi đã sẵn sàng. Khi nào ông nghĩ ông sẽ có cơ hội làm việc với nó?</p> <p><b>Frank Ojeda (10:38 A.M.)</b> Gửi cho tôi ngay bây giờ. Tôi sẽ có một bản in sẵn sàng để ông duyệt sau bữa trưa</p>
---	--

168. Where do the people most likely work?

- (A) At a bookstore
- (B) At a public library
- (C) At a television studio
- (D) At a magazine publisher**

Trong bài có nhắc đến các "tựa đề bài báo" (article titles), từ đó suy ra công việc của họ có liên quan đến viết các bài báo, vậy D là phương án đúng nhất.

169. Why does Mr. Park apologize?

- (A) He sent the wrong file.
- (B) He used an old e-mail address.
- (C) He missed a project deadline.
- (D) He lost an important document.**

Ông Park đã gửi tập tin không phải là mới nhất nên phải gửi lại, có thể suy ra ông ấy xin lỗi vì đã gửi nhầm tập tin, vậy A là phương án đúng.

170. At 10:30 A.M., what does Ms. Riley most likely mean when she writes, "That's more like it"?

- (A) The budget is more reasonable.
- (B) The color looks better.**
- (C) The story is more interesting.
- (D) The schedule is more realistic.

168. Những người này có khả năng làm việc ở đâu nhất?

- (A) Tại một hiệu sách
- (B) Tại thư viện công cộng
- (C) Tại một studio truyền hình
- (D) Tại một nhà xuất bản tạp chí**

169. Tại sao ông Park xin lỗi?

- (A) Anh ấy đã gửi nhầm tập tin.**
- (B) Ông đã sử dụng một địa chỉ email cũ.
- (C) Anh ấy đã bỏ lỡ hạn chót dự án.
- (D) Ông đã mất một tài liệu quan trọng.

170. Vào lúc 10:30 sáng, cô Riley rất có thể có ý gì khi cô viết, "Trông giống hơn rồi đấy"?

- (A) Ngân sách hợp lý hơn.
- (B) Màu sắc trông đẹp hơn.**
- (C) Câu chuyện thú vị hơn.
- (D) Lịch trình là thực tế hơn.



Trước đó cô ấy nói là màu sắc nền nên nhạt hơn để rõ chữ của tiêu đề bài báo (the background color should be lighter so the article titles are more visible.) và ông Park phải gửi lại file đúng như thế, ý cô ấy khi nói câu trên thể hiện sự hài lòng về màu sắc, vậy B là phương án đúng

171. What will Mr. Ojeda do by the afternoon?

(A) Approve a marketing plan

**(B) Produce a sample**

(C) Repair a printer

(D) Make copies of an agreement

Ông Ojeda đã nói mình sẽ có 1 bản in sẵn sàng sau bữa trưa (I'll have a **print copy** ready for your approval **after lunch**.), vậy ông ấy sẽ làm 1 bản mẫu, nên B là phương án đúng

171. Ông Ojeda sẽ làm gì vào buổi chiều?

(A) Phê duyệt một kế hoạch tiếp thị

**(B) Làm 1 bản mẫu**

(C) Sửa chữa máy in

(D) Tạo bản sao của một thỏa thuận

8 February  
Ms. Mala Chelvi  
60 Jalan Tun Razak  
54200 Kuala Lumpur  
Dear Ms. Chelvi,  
We are delighted to inform you that you have been nominated as a finalist for the Small Business Challenge competition this year. Now in its fifth year, this competition is designed to highlight innovative products and services launched by young entrepreneurs. The Web application that you developed, which provides a means of matching charitable organizations with volunteers, earned one of the top scores from our panel of judges. In the next round of the challenge, you will participate in a live presentation about your product before a panel of expert judges. The three people with the best presentations will receive one-time grants of MYR 10,000 each to invest in their businesses. Please go to [sbc.org/competition](http://sbc.org/competition) and submit an outline of your presentation, a brief video that clearly illustrates the use of your application, and a passport-sized photograph of yourself. You will also need to sign a consent form allowing us to use your name and photo, if needed, in promotional materials on our Web site. The deadline for submission of these materials is 10 March.  
Best regards,  
Felix Pang  
Felix Pang  
Chairperson, Small Business Challenge Committee

8 tháng 2  
Cô Mala Chelvi  
60 Jalan Tun Razak  
54200  
Kính gửi cô Chelvi,  
Chúng tôi rất vui mừng thông báo cho bạn rằng bạn đã được đề cử vào vòng chung kết cuộc thi Thử thách doanh nghiệp nhỏ năm nay. Trong năm thứ 5 của mình, cuộc thi này được thiết kế để làm nổi bật các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo được tung ra bởi các doanh nhân trẻ. Ứng dụng Web mà bạn đã phát triển, cung cấp phương tiện kết hợp các tổ chức từ thiện với các tình nguyện viên, đã giành được một trong những điểm số cao nhất từ hội đồng giám khảo của chúng tôi. Trong vòng thử thách tiếp theo, bạn sẽ tham gia vào buổi thuyết trình trực tiếp về sản phẩm của mình trước hội đồng giám khảo chuyên môn. Ba người có bài thuyết trình tốt nhất sẽ nhận được khoản tài trợ một lần trị giá 10.000 MYR mỗi người để đầu tư vào doanh nghiệp của họ. Vui lòng truy cập [sbc.org/competition](http://sbc.org/competition) và gửi một dàn ý về bài trình bày của bạn, một đoạn video ngắn minh họa rõ ràng việc sử dụng ứng dụng của bạn và một bức ảnh cỡ hộ chiếu của chính bạn. Bạn cũng sẽ cần phải ký một mẫu đơn đồng ý cho phép chúng tôi sử dụng tên và ảnh của bạn, nếu cần, trong các tài liệu quảng cáo trên trang web của chúng tôi. Hạn chót nộp các tài liệu này là ngày 10 tháng 3.  
Trân trọng,  
Felix Pang  
Felix Pang  
Chủ tịch, Ủy ban Thử thách doanh nghiệp nhỏ

172. What is the purpose of the letter?

(A) To seek volunteers for an event

**(B) To notify a contest finalist**

172. Mục đích của bức thư là gì?

(A) Để tìm kiếm tình nguyện viên cho một sự kiện

**(B) Để thông báo 1 thí sinh vòng chung kết cuộc thi**





- (C) To sell business consultation services  
(D) To offer a small-business loan

Mục đích của lá thư được nêu trong câu đầu tiên là để thông báo việc được đề cử là thí sinh vòng chung kết (We are delighted **to inform** you that you have been nominated as a **finalist for the Small Business Challenge competition** this year.), vậy B là phương án đúng

173. What does Ms. Chelvi most likely specialize in?

- (A) Law  
(B) Technology  
(C) Finance  
(D) Marketing

Ta thấy sản phẩm của cô ấy là về thiết kế phần mềm web (The **Web application** that you developed), trong 4 phương án chỉ có B là lĩnh vực liên quan nhất nên là phương án đúng

174. The word "illustrates" in paragraph 3, line 2, is closest in meaning to

- (A) **represents**  
(B) translates  
(C) lightens  
(D) decorates

Từ "illustrates" xuất hiện trong câu "a brief video that clearly illustrates the use of your application," chỉ có thể mang nghĩa là "trình bày" là phù hợp nhất, vậy A là phương án đúng

175. What is Ms. Chelvi Asked to do by March 10?

- (A) Update a Web page design  
(B) Give a presentation  
(C) **Sign a consent form**  
(D) Pay a fee

Ngày 10 tháng 3 là hạn chót để cô Chelvi nộp các tài liệu (The deadline for submission of these materials is 10 March.), bao gồm 1 video ngắn (A **brief video**), 1 tấm hình cỡ hộ chiếu (A **passport-sized photograph**) và ký 1 mẫu đơn đồng ý (**sign a consent form**), vậy C là phương án đúng.

- (C) Bán dịch vụ tư vấn kinh doanh

- (D) Cung cấp một khoản vay doanh nghiệp nhỏ

173. Cô Chelvi rất có thể chuyên về cái gì?

- (A) Luật  
(B) Công nghệ  
(C) Tài chính  
(D) Tiếp thị

174. Từ "illustrates" trong đoạn 3, dòng 2, có nghĩa gần nhất với

- (A) **trình bày**  
(B) dịch  
(C) sáng  
(D) trang trí

175. Cô Chelvi được yêu cầu làm gì trước ngày 10 tháng 3?

- (A) Cập nhật thiết kế trang web  
(B) Thuyết trình  
(C) **Ký một mẫu đơn đồng ý**  
(D) Trả phí

To: riedewald@ parasur.net.sr From: client\_services@ mhf.ca Date: April 2, 12:21 P.M.  
Subject: Your feedback

Dear Mr. Riedewald,

Thank you for filling out the McMann Home Furnishings (MHF) survey. To show our appreciation, we have added reward points to your account. They can be applied to the purchase of products offered online as well as those offered in our retail stores. Clearance items and those priced \$15.00 and above may not be purchased using credits.

To use your reward points for an online purchase, select the items you would like to purchase and then check out. At the bottom of the page, select "Apply

Tới: riedewald @ parasur.net.sr

Từ: client\_services@mhf.ca

Ngày: Ngày 2 tháng 4, 12:21 P.M.

Chủ đề: Phản hồi của bạn

Kính gửi ông Riedewald,

Cảm ơn bạn đã điền vào bản khảo sát Nội thất gia đình McMann (MHF). Để thể hiện lòng biết ơn của chúng tôi, chúng tôi đã thêm điểm thưởng vào tài khoản của bạn. Chúng có thể được áp dụng để mua các sản phẩm được cung cấp trực tuyến cũng như những sản phẩm được cung cấp trong các cửa hàng bán lẻ của chúng tôi. Các mặt hàng giảm giá đến hết hàng và những mặt hàng có giá \$ 15,00 trở lên có thể không được thanh toán bằng điểm thưởng.

Để sử dụng điểm thưởng của bạn cho giao dịch mua hàng trực tuyến, hãy chọn các mặt hàng bạn muốn mua và sau đó kiểm tra. Ở dưới cùng của trang, chọn "Áp dụng điểm



<p>credits." The value of the applied credits will appear on your order receipt as a special discount. If you would prefer to use reward points at one of our retail locations, you can do so by logging in to your account on our Web site. Go to the My Rewards page, and then select "Print as a coupon." The coupon will have a bar code that can be scanned at the store's checkout counter.</p> <p>Sincerely, Client Services, Mc Mann Home Furnishings</p>	<p>thưởng." Giá trị của các khoản tín dụng được áp dụng sẽ xuất hiện trên biên nhận đơn đặt hàng của bạn dưới dạng giảm giá đặc biệt.</p> <p>Nếu bạn muốn sử dụng điểm thưởng tại một trong những địa điểm bán lẻ của chúng tôi, bạn có thể làm như vậy bằng cách đăng nhập vào tài khoản của bạn trên trang web của chúng tôi. Chuyển đến trang Phần thưởng của tôi và sau đó chọn "In dưới dạng phiếu giảm giá". Phiếu giảm giá sẽ có mã vạch có thể được quét tại quầy thanh toán của cửa hàng.</p> <p>Trân trọng, Dịch vụ khách hàng, Nội thất gia đình Mc Mann</p>
<p>Online Order #1157 Mc Mann Home Furnishings Store March 19, 11:31 A.M.</p> <p>Hand-Painted Picture Frame Quantity: 1 Price: 10.00 Special Discount: -10.00</p> <p>Sai Iboat Ceramic Mug Quantity: 4 Price: 40.00 Clearance Discount: -20.00</p> <p>Floral Blanket Quantity: 1 Price: 25.00</p> <p>Photo Album Quantity: 1 Price: 34.00 Seasonal Item Discount: -17.00</p> <p>Item total: 62.00 Shipping: Free Total: 62.00</p>	<p>Đơn hàng qua mạng #1157 Cửa hàng nội thất gia đình Mc Mann Ngày 19 tháng 3, 11:31 A.M.</p> <p>Khung tranh vẽ tay Số lượng: 1 Giá: 10,00 Giảm giá đặc biệt: -10,00</p> <p>Cốc gốm Sai Iboat Số lượng: 4 Giá: 40,00 Giảm giá giải phóng mặt bằng: -20,00</p> <p>Chăn hoa Số lượng: 1 Giá: 25,00</p> <p>Album ảnh Số lượng: 1 Giá: 34,00 Giảm giá vật phẩm theo mùa: -17,00</p> <p>Tổng số mặt hàng: 62,00 Vận chuyển: Miễn phí Tổng cộng: 62,00</p>

176. According to the e-mail, how did Mr. Riedewald receive reward points?

- (A) He won an online contest.  
(B) He participated in a customer survey.  
(C) He spent a certain amount of money.  
(D) He returned an item

Trong e-mail có nói rằng để bày tỏ lòng biết ơn vì ông ấy đã điền vào 1 khảo sát, họ đã công cho ông ấy điểm thưởng (Thank you for filling out the **survey**. To **show our appreciation**, we have **added reward points to your account**.), vậy B là phương án đúng

176. Theo e-mail, ông Riedewald đã nhận được điểm thưởng như thế nào?

- (A) Ông ấy đã thắng một cuộc thi trực tuyến.  
(B) Ông tham gia một bài khảo sát khách hàng.  
(C) Ông đã tiêu một số tiền nhất định.  
(D) Ông ấy trả lại một món đồ





177. In the e-mail, the phrase "filling out" in paragraph 1, line 1, is closest in meaning to  
(A) emptying  
(B) supplying  
(C) **completing**  
(D) expanding

Cụm từ "filling out" nằm trong câu "Thank you for filling out the **survey**", chỉ có nghĩa "hoàn thành" trong câu C là phù hợp nhất.

178. How can customers apply their reward points in an MHF retail store?  
(A) By entering their account number  
(B) By entering their phone number  
(C) **By scanning a coupon's bar code**  
(D) By going to the Client Services Department

Trong phần hướng dẫn về sử dụng điểm thưởng tại cửa hàng thì có thể sử dụng bằng cách quét mã vạch ở quầy tính tiền (**The coupon will have a bar code that can be scanned at the store's checkout counter**), vậy C là phương án đúng.

179. According to the receipt, what is true about Mr. Riedewald?  
(A) He paid for delivery of the items.  
(B) He purchased the items in the evening.  
(C) He paid over \$70 for all items combined.  
(D) **He purchased only one item at regular price.**

Phương án A sai vì cuối hóa đơn có thông tin phí chuyển hàng là miễn phí (**Shipping: free**), phương án B sai vì giờ trên hóa đơn là 11 giờ 31 sáng (**11:31 A.M.**), phương án C cũng sai vì giá tiền là 62 đô (**Item total: 62.00**), vậy chỉ có D là phương án đúng.

180. What item did Mr. Riedewald most likely purchase using reward credits?  
(A) **The picture frame**  
(B) The ceramic mug  
(C) The floral blanket  
(D) The photo album

Phương án C sai vì không có giảm giá, phương án B và D cũng sai vì điểm thưởng không áp dụng cho giảm giá đến khi hết hàng và giá trên 15 (**Clearance items and those priced \$15.00 and above may not be purchased using credits.**), vậy A là phương án đúng.

177. Trong e-mail, cụm từ "filling out" vào đoạn 1, dòng 1, có nghĩa gần nhất với  
(A) làm trống  
(B) cung cấp  
(C) **hoàn thành**  
(D) mở rộng

178. Làm thế nào khách hàng có thể áp dụng điểm thưởng của họ trong một cửa hàng bán lẻ MHF?  
(A) Bằng cách nhập số tài khoản của họ  
(B) Bằng cách nhập số điện thoại của họ  
(C) **Bằng cách quét mã vạch của phiếu giảm giá**  
(D) Bằng cách đến Bộ phận dịch vụ khách hàng

179. Theo biên lai, điều gì đúng về ông Riedewald?  
(A) Ông trả tiền cho việc giao các mặt hàng.  
(B) Anh ấy mua đồ vào buổi tối.  
(C) Ông đã trả hơn 70 đô la cho tất cả các mặt hàng cộng lại.  
(D) **Anh ta chỉ mua một món hàng với giá thông thường.**

180. Mặt hàng nào ông Riedewald có khả năng mua nhiều nhất bằng cách sử dụng tín dụng phần thưởng?  
(A) **Khung hình**  
(B) Cốc gốm  
(C) Chiếc chăn hoa  
(D) Album ảnh

<p><b>Two Swan Press</b> 72 Holywell Road, Edinburgh EH8 8PJ 4 December</p> <p>Mr. Albert Morello 17 Peyton Avenue Kingston 5 Jamaica, W.I. Dear Mr. Morello: Enclosed please find your royalty payment for Understanding Our Oceans. You should have</p>	<p>Tòa soạn Two Swan 72 đường Holywell, Edinburgh EH8 8PJ 4 tháng 12</p> <p>Ông Albert Morello 17 Đại lộ Peyton Kingston 5 Jamaica, W.I. Kính gửi ông Morello: Xin vui lòng tìm khoản thanh toán tiền bản quyền của ông cho cuốn Understanding Our Ocean với tài liệu được đính</p>
---	---



recently received an e-mail that listed the sales figures and the royalties due to you for the print and electronic versions of your book.

We are proud to announce that Two Swan Press was given the Publisher of the Year Award by the UK Book Industry in October. We thank the authors who have worked with us since our founding five years ago.

All Two Swan Press authors are entitled to an author discount of 40 percent off any title on our Web site. Simply use the code AUX1417 for your discount.

If you have any questions at all, please do not hesitate to contact me.

Kind regards,  
Sarah Wicklin  
Sarah Wicklin  
Encl.

kèm. Gần đây ông đã nhận được một e-mail liệt kê các số liệu bán hàng và tiền bản quyền được tính cho ông cho các phiên bản in và điện tử của cuốn sách của ông.

Chúng tôi tự hào thông báo rằng Tòa soạn Two Swan đã được trao tặng Giải thưởng Nhà xuất bản của Năm bởi Ngành Sách Anh quốc vào tháng 10. Chúng tôi cảm ơn các tác giả đã làm việc với chúng tôi kể từ khi thành lập năm năm trước.

Tất cả tác giả của Tòa soạn Two Swan đều được giảm giá 40% cho bất kỳ đầu sách nào trên trang web của chúng tôi. Chỉ cần sử dụng mã AUX1417 để giảm giá.

Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với tôi.

Trân trọng,  
Sarah Wicklin  
Sarah Wicklin  
Kèm theo.

### THANK YOU FOR YOUR ORDER!

Special December Offer-free shipping on all orders over £35

Name:	Duncan Booth
E-mail:	mbooth@silvertch.co.uk
Date of purchase	12 December
Ship to:	Duncan Booth 321 Maslin St. Coatbridge ML5 1 LZ, Scotland, UK

\_ 1 \_ Business in Our Lives by Elaine Schuyler £75.00

Discount Applied (AUX1417) -30.00

Balance Due £45.00

Paid by Credit Card \*:'\*\*5732

Items from multiple orders may be combined in the same package. We will notify you when your order has shipped.

### CẢM ƠN BẠN VÌ ĐƠN ĐẶT HÀNG CỦA BẠN!

Đặc biệt tháng 12 Ưu đãi miễn phí vận chuyển cho tất cả các đơn hàng trên £ 35

Tên:	Duncan Booth
E-mail:	mbooth@silvertch.co.uk
Ngày thanh toán	12 tháng 12
Chuyển hàng đến:	Duncan Booth 321 đường Maslin. Coatbridge ML5 1 LZ, Scotland, Vương quốc Anh

\_ 1 \_ Kinh doanh trong cuộc sống của chúng ta bởi Elaine Schuyler £ 75,00

Giảm giá áp dụng (AUX1417) -30.00

Số dư trừ đi £ 45,00

Được thanh toán bằng thẻ tín dụng \*:'\*\* 5732

Các món hàng từ nhiều đơn hàng có thể được kết hợp trong cùng một gói. Chúng tôi sẽ thông báo cho bạn khi đơn đặt hàng của bạn đã được vận chuyển.

181. What is a purpose of the letter?

- (A) To ask Mr. Morello to write a book
- (B) To explain an enclosed contract
- (C) To notify Mr. Morello of a payment
- (D) To describe an updated personnel policy

Bức thư mở đầu bằng việc yêu cầu ông Morello kiểm tra thông tin tiền bản quyền (Enclosed please **find your royalty payment** for Understanding Our Oceans), vậy C là phương án đúng.

182. What was sent in a previous message to Mr. Morello?

181. Mục đích của bức thư là gì?

- (A) Yêu cầu ông Morello viết một cuốn sách
- (B) Để giải thích một hợp đồng kèm theo
- (C) Để thông báo cho ông Morello về một khoản thanh toán
- (D) Để mô tả một chính sách nhân sự cập nhật

182. Điều gì đã được gửi trong một tin nhắn trước đó cho ông Morello?



(A) Incorrect contact information

**(B) Detailed sales numbers**

(C) A list of suggested changes

(D) A link to an electronic book

Trong e-mail có nhắc đến thông tin rằng ông ấy nên nhận được 1 e-mail liệt kê các số liệu về doanh số bán hàng (You should have **recently received** an e-mail that listed the **sales figures**), vậy B là phương án đúng.

183. What does Ms. Wicklin mention about Two Swan Press?

(A) It moved to a new location in October.

(B) It has launched a new program for its fifth anniversary.

**(C) It has won an industry award.**

(D) It has decided to focus on scientific publications.

Cô Wicklin đã đề cập đến việc tòa soạn nhận được giải thưởng Nhà xuất bản của năm bởi ngành sách Anh quốc vào tháng 10 (Two Swan Press was given **the Publisher of the Year Award** by the **UK Book Industry in October**), vậy C là phương án đúng

184. What is suggested about Mr. Booth?

**(A) He is a Two Swan Press author.**

(B) He wrote Business in Our Lives.

(C) He is an acquaintance of Mr. Morello.

(D) He has purchased items from Two Swan Press before.

Ta thấy trong hóa đơn ông ấy đã sử dụng mã giảm giá (Discount Applied (AUX1417) -30.00) được dùng cho các tác giả của tòa soạn, vậy A là phương án đúng.

185. What is indicated about the order?

(A) It has been delayed.

(B) It has not yet been paid.

(C) It contains multiple books.

**(D) It includes free shipping.**

Ta thấy thông tin miễn phí vận chuyển cho tất cả đơn hàng trên 35 bảng (Special December Offer-**free shipping on all orders over £35**) trong khi đơn hàng của ông ấy có giá là 45 bảng, vậy đơn hàng này được miễn tiền vận chuyển. D là phương án đúng.

(A) Thông tin liên lạc không chính xác

**(B) Doanh số bán hàng chi tiết**

(C) Một danh sách các thay đổi được đề xuất

(D) Một liên kết đến một cuốn sách điện tử

183. Bà Wicklin đề cập gì về Tòa soạn Two Swan?

(A) Nó đã chuyển đến một địa điểm mới vào tháng Mười.

(B) Nó đã đưa ra một chương trình mới cho kỷ niệm lần thứ năm của nó.

**(C) Nó đã giành được một giải thưởng trong ngành.**

(D) Nó đã quyết định tập trung vào các ấn phẩm khoa học.

184. Đề xuất gì về ông Booth?

**(A) Ông là 1 tác giả của Tòa soạn Two Swan.**

(B) Ông đã viết Kinh doanh trong cuộc sống của chúng ta.

(C) Ông là người quen của ông Morello.

(D) Ông ấy đã mua các mặt hàng từ Tòa soạn Two Swan trước đây.

185. Những gì được chỉ ra về đơn hàng?

(A) Nó đã bị trì hoãn.

(B) Nó chưa được thanh toán.

(C) Nó gồm nhiều cuốn sách.

**(D) Nó bao gồm vận chuyển miễn phí.**

**To:** All Staff

**From:** Personnel Department

**Date:** June 20

**Subject:** Mentoring Program

**Attachment:** Application

Employees who have been with Broadside Electronics for less than eighteen months are invited to apply to participate in a new mentoring program that will match a maximum of ten junior employees with long-term company veterans. The goal is that junior employees will sharpen corporate skills, better understand company culture, and develop a more focused career path. Mentees will be assigned to a

**Đến:** Tất cả nhân viên

**Từ:** Phòng nhân sự

**Ngày:** 20 tháng Sáu

**Chủ đề:** Chương trình cố vấn

**Đính kèm:** Đơn đăng kí

Các nhân viên đã làm việc với công ty điện tử Broadside Electronics dưới mười tám tháng được mời đăng ký tham gia một chương trình cố vấn mới sẽ ghép tối đa mười nhân viên mới với các nhân viên kỳ cựu làm việc lâu năm của công ty. Mục tiêu là nhân viên cấp dưới sẽ mài giũa kỹ năng phối hợp, hiểu rõ hơn về văn hóa công ty và phát triển con đường sự nghiệp cụ thể hơn. Người được cố vấn sẽ được chỉ định cùng một cố vấn dựa trên phân công công



<p>mentor based strictly on their work assignment and professional interests. The pairs will meet at mutually convenient times throughout the year, from three to five hours per month.</p> <p>To be considered for participation in this initiative, complete the attached application and return to Mentoring Program Director Tim Wrigley at t.wrigley@broadsideelec.com by July 1. Mr. Wrigley will send notification of his selections by July 15.</p>	<p>việc và quan tâm nghề nghiệp của họ. Các cặp sẽ gặp nhau vào thời gian thuận tiện trong suốt cả năm, từ ba đến năm giờ mỗi tháng.</p> <p>Để được xem xét tham gia chương trình này, hãy điền vào đơn đăng ký đính kèm và nộp lại cho Giám đốc Chương trình Cố Vấn Tim Wrigley tại t.wrigley@broadsideelec.com trước ngày 1 tháng Bảy. Ông Wrigley sẽ gửi thông báo về các lựa chọn của mình trước ngày 15 tháng Bảy.</p>
<p><b>MENTORING PROGRAM APPLICATION</b></p> <p>Name: Cora Drummond</p> <p>Division: Sales</p> <p>Extension: 144</p> <p><b>Professional areas of interest:</b></p> <p>I am most interested in learning about our markets abroad and developing my sales-presentation abilities for these international markets. I am also interested in general career guidance.</p> <p><b>Best workdays and times for meeting:</b></p> <p>Any weekday morning except Monday.</p>	<p><b>ĐĂNG KÍ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH CỐ VẤN</b></p> <p><b>Tên:</b> Cora Drummond</p> <p><b>Bộ phận:</b> Bán hàng</p> <p><b>Đường dây số:</b> 144</p> <p><b>Lĩnh vực nghề nghiệp quan tâm:</b></p> <p>Tôi quan tâm nhất đến việc tìm hiểu về thị trường của chúng ta ở nước ngoài và phát triển khả năng thuyết trình bán hàng của mình trong thị trường quốc tế. Tôi cũng quan tâm đến hướng dẫn nghề nghiệp tổng quan.</p> <p><b>Ngày làm việc và thời gian để gặp tốt nhất:</b></p> <p>Bất kỳ buổi sáng trong tuần trừ thứ Hai.</p>
<p><i>The Broadside Company Newsletter</i></p> <p><b>Mentoring Program Sees Results</b></p> <p>Long-time employee and Vice President of Sales Alena Russo was intrigued when a Personnel Department director approached her about mentoring a less experienced employee under a program that began last year. She is glad to have accepted the assignment. "After working with Ms. Drummond, I am more satisfied with my own duties, because I know I have helped a professional who is just getting started. I only wish that I had had someone looking out for me in my early years," remarked Ms. Russo.</p> <p>Ms. Drummond explains that she "needed pointers on how to make better sales pitches." She reports that her sales are up by 20 percent now. She better understands the opportunities Broadside Electronics has to offer and what is required to become a manager. "Thanks to Ms. Russo, I have been able to define my career goals, and I am a happier person when I arrive to work every day."</p> <p>New mentorship pairs are now being formed. Interested parties should contact Tim Wrigley in the Personnel Department.</p>	<p><i>Bản tin công ty Broadside</i></p> <p><b>Kết quả chương trình cố vấn</b></p> <p>Nhân viên lâu năm và Phó chủ tịch kinh doanh Alena Russo đã ấn tượng khi một giám đốc phòng nhân sự đề cập về việc tư vấn cho một nhân viên ít kinh nghiệm trong một chương trình bắt đầu vào năm ngoái. Cô ấy vui mừng vì đã chấp nhận nhiệm vụ. "Sau khi làm việc với cô Drummond, tôi hài lòng hơn với vai trò của mình, vì tôi biết tôi đã giúp một chuyên gia mới bắt đầu. Tôi chỉ ước rằng đã có ai đó giúp đỡ tôi trong những năm đầu làm việc", theo nhận xét của cô Russo.</p> <p>Cô Drummond giải thích rằng cô "cần định hướng về cách cải thiện doanh số bán hàng." Cô báo cáo rằng doanh số bán hàng của cô đã tăng 20 phần trăm hiện tại. Cô ấy hiểu rõ hơn những cơ hội mà công ty Broadside Electronics cung cấp và những gì cần thiết để trở thành một quản lý. "Nhờ có cô Russo, tôi đã có thể xác định mục tiêu nghề nghiệp của mình. Tôi trở nên hạnh phúc hơn khi tôi đến làm việc mỗi ngày."</p> <p>Các cặp cố vấn mới hiện đang được sắp xếp. Các cá nhân quan tâm có thể liên hệ với Tim Wrigley ở Phòng Nhân sự.</p>

186. What does the e-mail indicate about the mentoring program?

(A) It is popular industry-wide.

186. Email nói gì về chương trình cố vấn?

(A) Là ngành công nghiệp phổ biến trong ngành.

(B) Số lượng người tham gia bị hạn chế.





**(B) The number of participants is limited.**

(C) It is designed for staff in the sales division.

(D) Participants must attend an orientation meeting.

Câu B là đáp án đúng do trong email đề cập đến giới hạn về tối đa mười người tham gia (a *maximum* of ten junior employees).

187. How will the junior employees most likely be selected?

(A) They will be chosen from a management-training group.

(B) They will undergo competitive interviews.

**(C) They will be evaluated by Mr. Wrigley.**

(D) They will be recommended by a local business school.

Câu C là đáp án đúng vì trong thư đề cập đến việc ông Wrigley là người sẽ chọn ra nhân viên tham gia chương trình (*To be considered for participation* in this initiative, **complete the attached application and return to Mentoring Program Director Tim Wrigley...** Mr. Wrigley will send notification of his *selections* by July 15).

188. What is suggested about Ms. Drummond?

**(A) She has worked at Broadside Electronics for less than eighteen months.**

(B) She has just transferred from another department.

(C) She has received a positive annual review.

(D) She has made many successful presentations abroad.

Cô Drumond được chọn để tham gia chương trình cố vấn, có nghĩa cô ấy là nhân viên mới chỉ làm việc dưới 18 tháng (Employees who have been with Broadside Electronics for *less than eighteen months*) nên câu A là đáp án đúng.

189. What is most likely true about Ms. Russo?

(A) She is planning to retire soon.

**(B) She has international sales experience.**

(C) She has mentored many junior employees.

(D) She recently joined the hiring team.

Cố vấn và nhân viên cố vấn được ghép cặp dựa trên quan tâm nghề nghiệp của người đăng kí (Mentees will be assigned to a mentor based strictly on their work assignment and *professional interests*), trong khi đó cô Drumond có quan tâm đến việc bán hàng cho thị trường quốc tế (learning about our markets abroad and *developing my sales-presentation abilities for these international markets*). Do đó, câu B là đáp án đúng.

190. What benefit from the mentoring program have both Ms. Drummond and Ms. Russo enjoyed?

**(A) Increased job satisfaction**

(B) Quick promotions

(C) Paycheck bonuses

(D) Clearer career goals

(C) Được thiết kế cho nhân viên trong bộ phận bán hàng.

(D) Người tham gia phải tham dự một cuộc họp định hướng.

187. Làm thế nào để nhân viên mới được lựa chọn?

(A) Họ sẽ được chọn từ một nhóm đào tạo quản lý.

(B) Họ sẽ trải qua các cuộc phỏng vấn cạnh tranh.

**(C) Họ sẽ được đánh giá bởi ông Wrigley.**

(D) Họ sẽ được đề nghị bởi một trường kinh doanh địa phương.

188. Điều gì nói về cô Drumond?

**(A) Cô ấy đã làm việc tại công ty Broadside Electronics chưa đầy mười tám tháng.**

(B) Cô ấy vừa chuyển từ một bộ phận khác.

(C) Cô đã nhận được một đánh giá tích cực thường niên.

(D) Cô ấy đã thực hiện nhiều bài thuyết trình thành công ở nước ngoài.

189. Điều gì rất có thể đúng về cô Russo?

(A) Cô ấy dự định sẽ nghỉ hưu sớm.

**(B) Cô ấy có kinh nghiệm bán hàng quốc tế.**

(C) Cô ấy đã cố vấn cho nhiều nhân viên cấp dưới.

(D) Cô ấy gần đây đã tham gia đội tuyển dụng.

190. Cô Drumond và cô Russo đều được hưởng lợi ích gì từ chương trình cố vấn?

**(A) Sự hài lòng trong công việc được gia tăng**

(B) Thăng chức nhanh

(C) Tiền thưởng

(D) Mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng hơn



Cô Russo nói rằng hài lòng với trách nhiệm của mình hơn (I am *more satisfied with my own duties*) còn cô Drumond hạnh phúc khi đi làm (I am a *happier person when I arrive to work every day*) nên câu A là đáp án phù hợp cho cả hai trường hợp.

<https://www.runklefencing.co.uk>

### Temporary Fencing Service

Need a temporary fence installed at your residence, workplace, or special event? Our expert team will deliver and install chain-link fencing on the booked date and time. When the fence is no longer needed, we will take it down and haul it away. Like our residential and commercial fencing, our temporary fences are obtained from the best manufacturers using the finest materials. Our fences have a tidy, sturdy, professional appearance that local residents and businesses appreciate. We also see to all legally required inspections and certifications.

Ready for a price quote? Contact us today via our Online Quote service. Be sure to provide the following information so we can provide an accurate estimate:

1. The preferred height of your fence (Be aware that local regulations commonly allow a maximum height of three metres.)
2. The perimeter of the area you need to enclose
3. The number of gated entrances needed
4. The number of days the fence needs to be up

**Name:** Marguerite Carhart

**Phone:** (0117) 555-9102

**Installation Address:** 438 Stretford Way/ Bristol BS5 7TB

**E-mail:** mcarhart@stockporteventcentre.co.uk

**Today's date:** 8 August

### Fence Details:

I need a temporary three-metre-tall fence installed around the Stockport Event Centre within the next two weeks. This is to prevent the public from entering while we make renovations from 18 to 30 August. Two gates are needed so that workers and vehicles may enter and leave the location.

**To:** mcarhart@stockporteventcentre.co.uk

**From:** hmontalbo@runklefencing.co.uk

**Date:** 9 August

**Subject:** Quote Number 080817

**Attachment:** fencequote\_mcarhart

Dear Ms. Carhart,

<https://www.runklefences.co.uk>

### Dịch vụ dựng rào chắn tạm thời

Bạn cần một hàng rào tạm thời được dựng tại nơi ở, nơi làm việc hoặc sự kiện đặc biệt của mình? Đội ngũ chuyên gia của chúng tôi sẽ phân phối và cài đặt hàng rào lưới vào ngày và giờ đã hẹn lịch. Khi hàng rào không còn cần thiết, chúng tôi sẽ tháo gỡ xuống và mang đi. Giống như hàng rào dân dụng và thương mại, hàng rào tạm thời của chúng tôi được cung cấp từ các nhà sản xuất tốt nhất bằng cách sử dụng các vật liệu tốt nhất. Hàng rào của chúng tôi có vẻ ngoài gọn gàng, chắc chắn, chuyên nghiệp được người dân địa và doanh nghiệp địa phương đánh giá cao. Chúng tôi cũng thông qua tất cả các kiểm tra và chứng nhận cần thiết về mặt pháp lý.

Sẵn sàng được báo giá? Liên lạc với chúng tôi hôm nay thông qua dịch vụ báo giá trực tuyến. Hãy chắc chắn cung cấp các thông tin sau để chúng tôi có thể cung cấp ước tính chính xác:

1. Chiều cao yêu cầu cho hàng rào (Lưu ý rằng quy định địa phương thường cho phép chiều cao tối đa là ba mét.)
2. Chu vi của khu vực cần rào chắn
3. Số lượng lối vào cần thiết
4. Số ngày để dựng hàng rào

**Tên:** Marguerite Carhart

**Điện thoại:** (0117) 555-9102

**Địa chỉ lắp đặt:** 438 đường Stretford / Bristol BS5 7TB

**E-mail:** mcarhart@stockporteventcentre.co.uk

**Ngày hôm nay:** 8 tháng Tám

### Chi tiết hàng rào:

Tôi cần một hàng rào tạm thời cao ba mét lắp đặt xung quanh Trung tâm sự kiện Stockport trong vòng hai tuần tới. Điều này là để ngăn chặn công chúng xâm nhập trong khi chúng tôi sửa chữa từ ngày 18 đến 30 tháng Tám. Cần có hai công để công nhân và phương tiện có thể ra vào địa điểm.

**Đến:** mcarhart@stockporteventcentre.co.uk

**Từ:** hmontalbo@runklefences.co.uk

**Ngày:** 9 tháng Tám

**Chủ đề:** Trích dẫn số 080817

Đính kèm: fencequote\_mcarhart

Gửi cô Carhart,





Thank you for your enquiry. Please see the attached estimate for the work you requested.  
Note that the price of delivery is included at no further charge unless a rush order-one providing less than three weeks' notice-is required. This is a rough estimate based on the information you provided. If you ring us at (0117) 555-2938 and provide us with a missing detail, I can give you a more accurate quote.  
You might also consider including a plastic curtain with your order. This would be wrapped around and fastened to the fence, hiding the construction site from the view of pedestrians. If this interests you, we can include it in the revised quote.  
Best Regards,  
Howard Montalbo

Cảm ơn yêu cầu của cô. Xin vui lòng xem ước tính đính kèm cho công việc yêu cầu.  
Lưu ý rằng giá giao hàng được miễn phí trừ khi có đơn đặt hàng gấp – yêu cầu cung cấp thông báo trước ba tuần. Đây là một ước tính sơ bộ dựa trên thông tin cô cung cấp. Nếu cô gọi cho chúng tôi theo số (0117) 555-2938 và cung cấp thông tin còn thiếu, tôi có thể cung cấp cho cô báo giá chính xác hơn.  
Cô cũng có thể cân nhắc đặt thêm một tấm màn nhựa trong đơn hàng. Nó sẽ được bọc xung quanh và gắn chặt vào hàng rào, chắn đi công trường xây dựng khỏi tầm nhìn của người đi bộ. Nếu cô quan tâm đến điều này, chúng tôi có thể đưa nó vào báo giá sửa đổi.  
Trân trọng,  
Howard Montalbo

191. What does the Web site indicate about fences taller than three meters?  
(A) They are made of plastic.  
(B) **They are usually prohibited by law.**  
(C) They require special transportation.  
(D) They must be ordered directly from the manufacturer.

Câu B là đáp án đúng vì có thông tin báo rằng quy định địa phương chỉ cho phép hàng rào cao nhiều nhất 3 mét (Be aware that local regulations commonly *allow a maximum height of three metres*) nên cao hơn mức đó là trái luật.

191. Trang web nói gì về hàng rào cao hơn ba mét?  
(A) Được làm bằng nhựa.  
(B) **Thường bị cấm theo luật.**  
(C) Yêu cầu vận chuyển đặc biệt.  
(D) Phải được đặt hàng trực tiếp từ nhà sản xuất.

192. According to the form, why does Ms. Carhart need a temporary fence installed?  
(A) To mark a property line  
(B) To draw attention to an exhibit  
(C) To control a crowd at a special event  
(D) **To limit public access to a work site**

Trung tâm sự kiện nơi cô Carhart làm việc đang sửa chữa nên cần rào chắn để ngăn người đi vào (This is to prevent the public from entering while we make renovations) nên câu D là đáp án đúng.

192. Theo trong đơn thì tại sao cô Carhart cần lắp đặt hàng rào tạm thời?  
(A) Để đánh dấu một dòng tài sản  
(B) Để thu hút sự chú ý đến một cuộc triển lãm  
(C) Để kiểm soát đám đông tại một sự kiện đặc biệt  
(D) **Để giới hạn ra vào công chúng đến một công trường xây dựng**

193. What information does Ms. Carhart fail to give about the fence she needs?  
(A) The height of the fence to be erected  
(B) The dates when the fence is needed  
(C) **The perimeter of the area to be enclosed**  
(D) The number of entrances needed  
Cô Carhart không đề cập đến phạm vi dựng rào trong email nên câu C là đáp án đúng.

193. Cô Carhart không cung cấp thông tin gì về hàng rào mình cần?  
(A) Chiều cao hàng rào được dựng lên  
(B) Ngày cần dựng hàng rào  
(C) **Chu vi của khu vực được dựng rào**  
(D) Số lượng lối vào cần thiết

194. What is implied about Ms. Carhart's fence project?

194. Điều gì nói về dự án dựng rào của cô Carhart?  
(A) **Sẽ có một khoản phí để giao hàng.**



- (A) **There will be a charge for delivery.**  
(B) The project involves work at several job sites.  
(C) Extra workers must be hired to install the fence.  
(D) Inspectors must first approve the project.

Cô ấy cần lắp đặt vào ngày 18/8, nhưng lại đặt hàng vào ngày 8/8, tức chưa đủ khoảng thời gian ba tuần để được miễn phí giao hàng (Note that the price of delivery is included at no further charge unless a rush order-one providing **less than three weeks' notice**) nên câu A là đáp án đúng.

- (B) Dự án liên quan đến công việc tại một số trang web việc làm.  
(C) Phải thuê thêm công nhân để lắp đặt hàng rào.  
(D) Thanh tra phải phê duyệt dự án trước tiên.

195. Why does Mr. Montalbo recommend adding a curtain?

- (A) It would act as a noise barrier.  
(B) It would help keep in dust.  
(C) **It would serve as a visual screen.**  
(D) It would improve safety conditions.

Câu C là đáp án đúng vì như trong email ông ấy có nói là tấm màn sẽ chắn công trường phía sau nó (This would be wrapped around and fastened to the fence, **hiding the construction site from the view of pedestrians**).

195. Tại sao ông Montalbo khuyên nên thêm một tấm màn?

- (A) Sẽ hoạt động như một rào cản tiếng ồn.  
(B) Sẽ giúp giữ bụi.  
(C) **Sẽ hoạt động như một màn chắn tầm nhìn.**  
(D) Sẽ cải thiện các điều kiện an toàn.

<p><b>To:</b> Daniel Rodrigues Pereira <b>From:</b> Livia Romero <b>Subject:</b> Company outing <b>Date:</b> August 5</p> <p>Hello Daniel,</p> <p>I hope you are settling in well. I'm sure you have had a busy few weeks. Around this time of year, the office manager typically begins arranging our annual company outing. I think we mentioned this during your interview in June. Previously, we have done things like going to a concert and taking a local river cruise. The outing is always great for morale, and everyone looks forward to it.</p> <p>This year, I think it would be a good idea to get tickets to a sporting event. I know that many staff members are fans of the San Jose Starlings baseball team. It should be an evening game when the team is playing at home. We have a budget of \$600.00 this year. Looking at the ticket prices, it seems that will be just enough to get a ticket for every staff member.</p> <p>I'm sure Elise can assist you with this; she has often helped organize the outings. Let me know if you have any questions.</p> <p>Best, Livia Romero Director of Administration, Loftgren Consulting</p>	<p><b>Đến:</b> Daniel Coleues Pereira <b>Từ:</b> Livia Romero <b>Chủ đề:</b> Chuyến đi chơi của công ty <b>Ngày:</b> 5 tháng Tám</p> <p>Xin chào Daniel,</p> <p>Tôi hy vọng anh đang ổn định tốt. Tôi chắc rằng anh đã có một vài tuần bận rộn. Vào khoảng thời điểm này trong năm, quản lý văn phòng thường bắt đầu sắp xếp chuyến đi công ty hàng năm của chúng ta. Tôi nghĩ rằng đã đề cập đến điều này trong cuộc phỏng vấn của anh vào tháng Sáu. Trước đây, chúng tôi đã làm những việc như đến buổi hòa nhạc và đi du thuyền trên sông ở địa phương. Chuyến đi chơi luôn tuyệt vời cho tinh thần làm việc, và mọi người đều mong chờ điều đó.</p> <p>Năm nay, tôi nghĩ đến dự sự kiện thể thao sẽ là một ý tưởng tốt. Tôi biết rằng nhiều nhân viên là người hâm mộ của đội bóng chày San Jose Starlings. Đó sẽ là một trận đấu vào buổi tối khi đội đang chơi ở sân nhà. Chúng tôi có ngân sách 600 đô trong năm nay. So với giá vé, dường như sẽ chỉ vừa đủ cho mỗi người một vé.</p> <p>Tôi chắc rằng Elise có thể giúp anh điều này; cô ấy thường giúp tổ chức các buổi đi chơi. Hãy cho tôi biết nếu anh có bất kỳ câu hỏi.</p> <p>Lời chúc tốt nhất, Livia Romero Giám đốc hành chính, công ty tư vấn Loftgren</p>
<p><b>Plan your next event with the San Jose Starlings!</b></p>	<p><b>Lên kế hoạch sự kiện tiếp theo của bạn với San Jose Starlings!</b></p>



Discounted tickets are available for groups of ten or more. The more tickets you buy, the more you save - perfect for family gatherings, company outings, or charity fundraisers! Get perks such as free tickets for the organizer, discounts on food, and your group's name displayed on the scoreboard.

### Group Ticket Pricing

10 tickets \$130.00

30 tickets \$360.00

50 tickets \$550.00

70 tickets \$700.00

Contact [grouptickets@sanjosestarlings.com](mailto:grouptickets@sanjosestarlings.com) or call **408-555-0101** for more information.

### San Jose Starlings August Schedule

Date	Day	Time	Opposing Team	Home or Away
August 13	Sunday	1:05 P.M.	Aspen Monarchs	Home
August 15	Tuesday	7:05 P.M.	Aspen Monarchs	Home
August 19	Saturday	1:05 P.M.	Philipsburg Pinstripes	Away
August 22	Tuesday	7:05 P.M.	Philipsburg Pinstripes	Away
Purchase tickets online at <a href="http://www.sanjosestarlings.com/tickets">www.sanjosestarlings.com/tickets</a>				

Vé giảm giá cho các nhóm từ mười người. Bạn mua càng nhiều vé, bạn càng tiết kiệm - hoàn hảo cho các cuộc họp mặt gia đình, đi chơi công ty hoặc các buổi gây quỹ từ thiện! Nhận các đặc quyền như vé miễn phí cho người tổ chức, giảm giá thức ăn và tên nhóm được hiển thị trên bảng điểm.

### Giá vé nhóm

10 vé 130,00 đô

30 vé 360,00 đô

50 vé 550,00 đô

70 vé 700,00 đô

Liên hệ với [grouptickets@sanjosestarlings.com](mailto:grouptickets@sanjosestarlings.com) hoặc gọi **408-555-0101** để biết thêm thông tin.

### Lịch đấu San Jose Starlings vào tháng Tám

Ngày	Thứ	Giờ	Đội đối thủ	Đội chủ nhà/đội khách
13/8	Chủ Nhật	1:05 P.M.	Aspen Monarchs	Chủ nhà
15/8	Thứ Ba	7:05 P.M.	Aspen Monarchs	Chủ nhà
19/8	Thứ Bảy	1:05 P.M.	Philipsburg Pinstripes	Đội khách
22/8	Thứ Ba	7:05 P.M.	Philipsburg Pinstripes	Đội khách

Mua vé trực tuyến ở [www.sanjosestarlings.com/tickets](http://www.sanjosestarlings.com/tickets)

196. Why did Ms. Romero send the e-mail to Mr. Rodrigues Pereira?

- (A) To tell him about an upcoming budget cut
- (B) To invite him to a concert
- (C) To introduce him to his new assistant
- (D) To ask him to arrange an event**

Email này để thông báo cho anh ấy về sự kiện sắp đến và để đưa ý tưởng cho kế hoạch sự kiện đó. Ngoài ra, trong thư còn giới thiệu người sẽ hỗ trợ anh ấy lên kế hoạch (I'm sure Elise can assist you with this; she has often helped organize the outings. Let me know if you have any questions) nên câu D là đáp án đúng.

197. What does the e-mail imply about Mr. Rodrigues Pereira?

- (A) He recently attended a San Jose Starlings game.
- (B) He will be leaving in a few weeks to go on vacation.
- (C) He is a professional party planner.
- (D) He recently began working for Loftgren Consulting.**

196. Tại sao cô Romero gửi e-mail cho Coleues Pereira?

- (A) Nói với anh ấy về việc cắt giảm ngân sách sắp tới
- (B) Để mời anh ấy đến buổi hòa nhạc
- (C) Giới thiệu anh ấy với trợ lý mới
- (D) Để yêu cầu anh ấy sắp xếp một sự kiện**

197. Email nói gì về Coleues Pereira?

- (A) Gần đây anh ấy đã tham dự trận đấu ở San Jose Starlings.
- (B) Anh ấy sẽ rời đi trong một vài tuần để đi nghỉ.
- (C) Anh là một người tổ chức tiệc tùng chuyên nghiệp.
- (D) Gần đây anh ấy bắt đầu làm việc cho công ty tư vấn Loftgren.**



Email được gửi đến vào ngày 5/8, trong khi anh ấy được phỏng vấn nhận việc vào tháng Sáu (I think we mentioned this during *your interview in June*), nên có thể hiểu là anh ấy mới vào làm.

198. According to the flyer, what is a benefit of buying tickets as a group?

(A) **Reduced ticket prices**

(B) Free food

(C) Front-row seating

(D) T-shirts with the team's logo

Câu A là đáp án đúng vì giảm giá vé cho nhóm từ mười người trở lên (*Discounted tickets* are available for groups of ten or more).

198. Theo tờ rơi, lợi ích của việc mua vé theo nhóm là gì?

(A) **Giảm giá vé**

(B) Thức ăn miễn phí

(C) Hàng ghế trước

(D) Áo phông có logo của đội

199. How many employees does Loftgren Consulting most likely have?

(A) 10

(B) 30

(C) **50**

(D) 70

Ngân sách là 600 đô và cũng chỉ vừa đủ cho mỗi người một vé (We have a budget of **\$600.00** this year. Looking at the ticket prices, it seems that *will be just enough to get a ticket for every staff member*) trong khi đó giá vé nhóm là 550 đô cho 50 người. Câu C là đáp án đúng.

199. Công ty tư vấn Loftgren Consulting có thể có bao nhiêu nhân viên?

(A) 10

(B) 30

(C) **50**

(D) 70

200. On what date could Loftgren Consulting employees attend a game?

(A) August 13

(B) **August 15**

(C) August 19

(D) August 22

Theo như trong email thì đó sẽ là trận đấu vào buổi chiều tối và đội bóng là đội chủ nhà (It should be an *evening game when the team is playing at home*) và theo như lịch thì đó là ngày 15 tháng Tám. Câu B là đáp án đúng.

200. Nhân viên của Công ty tư vấn Loftgren có thể tham dự một trận đấu vào ngày nào?

(A) ngày 13 tháng Tám

(B) **15 tháng Tám**

(C) ngày 19 tháng Tám

(D) ngày 22 tháng Tám